

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**

---

*Tháng 3 năm 2025*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIÊN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Đậu Thị Lý.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



**Phạm Minh Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số: 264/2025/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Long  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.184.524.982.647</b>	<b>1.214.117.529.930</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	326.629.549.281	186.196.786.544
Tiền	111		187.129.549.281	78.196.786.544
Các khoản tương đương tiền	112		139.500.000.000	108.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.418.782.600	104.620.407.487
Chứng khoán kinh doanh	121		749.959.368	723.320.938
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(221.176.768)	(143.175.938)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	114.890.000.000	104.040.262.487
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		661.842.022.220	809.414.896.009
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	627.626.911.601	773.365.334.735
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	26.472.717.399	24.936.143.053
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	28.862.800.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	65.594.394.259	75.979.576.065
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(86.714.801.039)	(70.866.157.844)
Hàng tồn kho	140	11	77.541.442.346	108.831.975.292
Hàng tồn kho	141		77.541.442.346	108.831.975.292
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.093.186.200	5.053.464.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	308.592.841	328.864.512
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.784.424.172	3.946.821.600
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	169.187	777.778.486
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>805.507.280.307</b>	<b>606.996.536.132</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		62.785.789.957	63.114.765.957
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	2.900.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	49.785.789.957	47.214.765.957
Tài sản cố định	220		100.023.652.514	89.960.658.765
Tài sản cố định hữu hình	221	14	83.805.600.580	79.480.726.090
- Nguyên giá	222		126.762.705.590	169.592.550.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.957.105.010)	(90.111.824.416)
Tài sản cố định vô hình	227	15	16.218.051.934	10.479.932.675
- Nguyên giá	228		20.132.434.934	16.865.954.337
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.914.383.000)	(6.386.021.662)
Bất động sản đầu tư	230	16	7.963.544.042	8.420.642.762
- Nguyên giá	231		18.171.592.354	18.171.592.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.208.048.312)	(9.750.949.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	216.211.864.296	1.568.938.941
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		216.211.864.296	1.568.938.941

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>108.743.512.767</b>	<b>120.839.462.375</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.947.468.422	36.947.464.014
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		77.073.000.000	89.349.133.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.276.955.655)	(5.457.134.639)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>309.778.916.731</b>	<b>323.092.067.332</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	309.032.571.278	322.918.698.433
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		746.345.453	173.368.899
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.990.032.262.954</b>	<b>1.821.114.066.062</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>741.349.157.279</b>	<b>668.957.131.977</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>650.904.888.723</b>	<b>584.576.962.684</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	443.447.980.646	474.894.502.331
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	117.645.831.417	20.148.249.408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	27.936.519.132	18.370.720.137
Phải trả người lao động	314		7.122.094.916	9.697.835.428
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.862.619.033	714.862.703
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.669.579.388	6.033.264.089
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.350.534.501	4.840.328.424
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	36.072.675.525	42.456.036.515
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	1.635.651.757	2.295.434.584
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.161.402.408	5.125.729.065
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>90.444.268.556</b>	<b>84.380.169.293</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23	7.579.247.973	9.881.829.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	25	64.483.485.315	66.565.854.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	18.381.535.268	7.932.484.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.248.683.105.675</b>	<b>1.152.156.934.085</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>1.248.683.105.675</b>	<b>1.152.156.934.085</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		832.900.770.000	822.900.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		832.900.770.000	822.900.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	10.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		208.630.508.357	123.393.429.070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		119.932.832.498	45.741.484.317
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		88.697.675.859	77.651.944.753
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		191.541.571.742	190.252.479.439
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.990.032.262.954</b>	<b>1.821.114.066.062</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đậu Thị Lý

Tổng Giám đốc



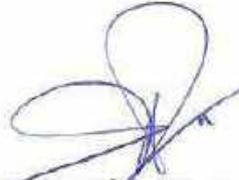

Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	800.145.221.381	980.089.882.652
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	240.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		800.145.221.381	980.089.642.652
Giá vốn hàng bán	11	29	555.950.402.751	786.357.957.034
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		244.194.818.630	193.731.685.618
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	24.383.142.515	53.193.595.824
Chi phí tài chính	22	31	13.029.480.489	8.845.254.355
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.038.829.759	3.715.807.784
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.408	(1.785.833.428)
Chi phí bán hàng	25	32	49.078.056.131	46.289.273.562
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	88.557.070.474	92.865.234.126
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		117.913.358.459	97.139.685.971
Thu nhập khác	31	33	2.368.974.224	980.262.758
Chi phí khác	32	34	5.253.433.926	1.226.623.095
Lợi nhuận khác	40		(2.884.459.702)	(246.360.337)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115.028.898.757	96.893.325.634
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	17.803.182.605	9.434.781.937
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.027.052.010)	3.137.707.645
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.252.768.162	84.320.836.052
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		95.447.675.859	77.651.944.753
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.805.092.303	6.668.891.299
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.150	1.244
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	1.095	1.244

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

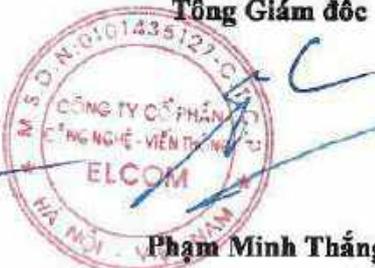
Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	115.028.898.757	96.893.325.634
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.492.410.093	7.422.795.548
Các khoản dự phòng	03	25.704.463.448	29.710.385.889
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.797.526.516)	772.479.766
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(17.936.966.297)	(47.678.165.733)
Chi phí lãi vay	06	3.038.829.759	3.715.807.784
Các điều chỉnh khác	07	(8.250.000.000)	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>128.280.109.244</b>	<b>90.836.628.888</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	133.234.158.774	(314.897.710.350)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.001.902.986	931.322.962
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(132.367.484.667)	331.247.812.734
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.906.398.826	(573.882.970)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(26.638.430)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.093.841.935)	(3.715.807.784)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.405.573.679)	(3.937.078.606)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.464.326.657)	(4.057.159.443)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>140.064.704.462</b>	<b>95.834.125.431</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.444.208.556)	(12.321.482.463)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	249.800.000	1.063.750.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(175.047.500.000)	(200.718.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	128.484.700.000	224.133.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.458.800.000)	(21.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	67.689.960.000	2.670.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.239.108.334	12.153.484.121
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.286.940.222)</b>	<b>5.980.751.658</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.000.000.000	1.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	192.296.678.442	164.498.423.703
Tiền trả nợ gốc vay	34	(198.680.039.432)	(152.941.587.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.005.622.330)	(1.546.504.504)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.611.016.680</b>	<b>11.510.332.011</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>140.388.780.920</b>	<b>113.325.209.100</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	186.196.786.544	72.857.962.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	43.981.817	13.614.521
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	326.629.549.281	186.196.786.544

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đậu Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2024 của Công ty là 832.900.770.000 (Tám trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn), tương đương 83.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2024 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có các công ty con, công ty liên kết (hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc) như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

<b>Tên công ty con trực tiếp</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.	100%	100%
Công ty CP Datanova Việt Nam	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)**

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp (tiếp):*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thành Tôn P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

*Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty CP Datanova Việt Nam	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm	88,35%	88,35%

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	41,58%	41,58%

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.7 NHÂN VIÊN**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 261 người (tại ngày 31/12/2023 là 236 người).

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tức là được Công ty mua vào, bán ra để kiếm lời. Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trường hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định mức trích lập dự phòng tương tự như trường hợp đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và các tài sản cố định vô hình khác.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

##### 3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)

###### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 08 năm.

##### 3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

##### 3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí mua sắm TSCĐ, chi phí dự án Phúc Diễn, dự án Tây Hồ và dự án khác.

##### 3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

*Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bắt buộc bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### **3.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

#### **3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

*Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **3.19 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông góp vốn được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận

#### **3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

##### Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

*Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	2.048.759.214	2.274.301.529
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	185.080.790.067	75.922.485.015
- Các khoản tương đương tiền (*)	139.500.000.000	108.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>326.629.549.281</b>	<b>186.196.786.544</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,75%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	114.890.000.000	114.890.000.000	104.040.262.487	104.040.262.487
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	114.890.000.000	114.890.000.000	104.040.262.487	104.040.262.487
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam	43.590.000.000	43.590.000.000	84.730.000.000	84.730.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	-	-	9.310.262.487	9.310.262.487
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - chi nhánh Hà Nội	67.000.000.000	67.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	4.300.000.000	4.300.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
	<b>114.890.000.000</b>	<b>114.890.000.000</b>	<b>104.040.262.487</b>	<b>104.040.262.487</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,2%/năm.

**5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(11.521.103.314)	5.839.636.686	17.360.740.000	(11.521.107.722)	5.839.632.278
+ Công ty CP Công nghệ VFT	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736
<b>Cộng</b>	<b>37.896.653.966</b>	<b>(949.185.544)</b>	<b>36.947.468.422</b>	<b>37.896.653.966</b>	<b>(949.189.952)</b>	<b>36.947.464.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	77.073.000.000	(5.276.955.655)	(*)	89.349.133.000	(5.457.134.639)	(*)
+ Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.059.044.831)	(*)	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)
+ Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	-	-	(*)	6.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000	(360.000.000)	(*)
+ Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)
+ Công ty CP Atani Holdings	-	-	(*)	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)
+ Công ty CP 1SK	4.674.000.000	(1.555.663.256)	(*)	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)
+ Công ty CP quản lý năng lượng thông minh	8.458.800.000	-	(*)	-	-	(*)
+ Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	(390.000.000)	(*)	390.000.000	(96.990.910)	(*)
+ Công ty CP Viettronics Vĩnh Phúc	7.500.000.000	-	(*)	7.500.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>77.073.000.000</b>	<b>(5.276.955.655)</b>	<b>(*)</b>	<b>89.349.133.000</b>	<b>(5.457.134.639)</b>	<b>(*)</b>

(\*) Ghi chú: Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	<b>627.626.911.601</b>	<b>(80.416.455.991)</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>(64.567.812.796)</b>
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	128.481.424.163	(17.846.327.583)	165.889.012.218	(17.846.327.583)
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC (*)	44.632.715.176	-	53.632.715.176	-
- INTERLABS Pte.Ltd	96.178.000.000	-	-	-
- Công ty CP N.D.C	-	-	56.223.631.956	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	-	-	158.229.185.514	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	-	-	40.002.822.644	-
- Các đối tượng khác	358.334.772.262	(62.570.128.408)	299.387.967.227	(46.721.485.213)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<b>627.626.911.601</b>	<b>(80.416.455.991)</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>(64.567.812.796)</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 39.1

(\*) Tại ngày 31/12/2024, khoản phải thu Công ty TNHH thu phí tự động VETC số tiền 44.632.715.176 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khoản công nợ quá hạn này đã được thỏa thuận theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 19/09/2023 và hai bên có cam kết lộ trình thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng lộ trình cam kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Oscilloquartz S.A	26.472.717.399	-	24.936.143.053	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	4.734.742.962	-	-	-
- Các đối tượng khác	40.872.250	-	2.540.872.250	-
	21.697.102.187	-	22.395.270.803	-
<b>b) Dài hạn</b>				
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	5.980.000.000	-	5.980.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	4.030.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>39.472.717.399</b>	<b>-</b>	<b>37.936.143.053</b>	<b>-</b>

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 39.1

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 311222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom đã có văn bản số 16/TTr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận đề xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội” theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>28.862.800.000</b>	-	<b>6.000.000.000</b>	-
- Công ty CP Tấn Phát (1)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty CP kỹ thuật thương mại Đại Cát (2)	5.862.800.000	-	-	-
- Ông Trần Phương Đông (3)	17.000.000.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>2.900.000.000</b>	-
- Cho vay cá nhân	-	-	2.900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.862.800.000</b>	-	<b>8.900.000.000</b>	-

(1) Khoản phải thu theo hợp đồng vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tấn Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm và phụ lục vay số 01 ngày 10/06/2024 gia hạn thêm thời hạn vay từ 11/06/2024 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Đến ngày 14/01/2025, công ty đã nhận đủ cả gốc và lãi của khoản cho vay này.

(2) Khoản phải thu theo hợp đồng vay vốn số 01/2024/ELC-DAICAT ngày 10/09/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP kỹ thuật thương mại Đại Cát. Số gốc vay: 20.000.000.000 VND với mục đích vay là bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP kỹ thuật thương mại Đại Cát. Thời gian cho vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay, lãi suất cho vay cố định 5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Tại ngày 31/12/2024, số tiền vay còn lại là 5.862.800.000 đồng.

(3) Khoản phải thu theo hợp đồng vay vốn số 0110/2024/ELC-TPD ngày 01/10/2024 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Ông Trần Phương Đông. Số tiền vay: 17.000.000.000 VND. Thời gian cho vay kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến 30/04/2025, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.594.394.259</b>	<b>(6.298.345.048)</b>	<b>75.979.576.065</b>	<b>(6.298.345.048)</b>
- Tạm ứng	9.566.258.441	-	11.423.434.170	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	35.196.796.647	-	28.799.450.631	-
- Lãi dự thu	4.635.853.615	-	5.061.823.555	-
- Phải thu khác	16.195.485.556	(6.298.345.048)	30.694.867.709	(6.298.345.048)
+ Ông Lại Hữu Thanh	-	-	9.500.000.000	-
+ Ông Hà Quốc Vương (1)	6.943.400.000	-	8.826.000.000	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	(1.005.750.000)	1.005.750.000	(1.005.750.000)
+ Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	(3.539.885.279)	3.539.885.279	(3.539.885.279)
+ Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	(1.716.209.769)	1.716.209.769	(1.716.209.769)
+ Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà	-	-	4.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	2.990.240.508	(36.500.000)	2.107.022.661	(36.500.000)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>49.785.789.957</b>	<b>-</b>	<b>47.214.765.957</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển MBH (2)	25.000.000.000	-	-	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh (3)	13.276.500.000	-	37.771.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (4)	5.862.765.957	-	5.862.765.957	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Tâm Mỹ An (5)	3.528.000.000	-	3.528.000.000	-
- Phải thu khác	2.118.524.000	-	52.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>115.380.184.216</b>	<b>(6.298.345.048)</b>	<b>123.194.342.022</b>	<b>(6.298.345.048)</b>

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 39.1

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần 1SK.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(2) Khoản góp vốn theo Hợp đồng nguyên tắc góp vốn đầu tư số 0404/2024/HĐ ngày 4/4/2024 giữa Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam và Công ty CP Đầu tư và Phát triển MBH để cùng thực hiện dự án "Khu trung tâm đô thị Tây Hồ Tây".

(3) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất HI/ODK2)" thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 20/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 301222/BBTT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Ngày 12/12/2024, Công ty CP Công nghệ Viễn - thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã hoàn trả số tiền: 24.495.000.000 đồng và cam kết hoàn trả số còn lại chậm nhất vào tháng 06/2025.

(4) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANHLIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội" giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

(5) Khoản góp vốn đầu tư vào Dự án: Nghiên cứu và thương mại các sản phẩm sinh học thế hệ mới ứng dụng trên người vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>					
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	(12.943.377.077)	12.943.377.077	-
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	(15.534.200.000)	15.534.200.000	-
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel - HĐ02/2012: hệ thống thiết bị quản lý băng thông PCRF	17.846.327.583	-	(17.846.327.583)	17.846.327.583	-
- Các đối tượng khác	46.455.240.608	4.754.670.313	(40.390.896.379)	29.027.452.205	4.485.199.021
<b>Cộng</b>	<b>92.779.145.268</b>	<b>4.754.670.313</b>	<b>(86.714.801.039)</b>	<b>75.351.356.865</b>	<b>4.485.199.021</b>
					<b>(70.866.157.844)</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi đường	83.237.779	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.082.816.293	-	37.787.694.033	-
Thành phẩm	9.194.864.671	-	11.945.865.870	-
Hàng hóa	18.177.991.603	-	59.095.883.389	-
<b>Cộng</b>	<b>77.541.442.346</b>	<b>-</b>	<b>108.831.975.292</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>216.211.864.296</b>	<b>1.568.938.941</b>
- Mua sắm TSCĐ	40.000.000	-
- Dự án Phúc Diễn (1)	246.601.885	246.601.885
- Dự án Tây Hồ (2)	213.671.669.900	-
- Dự án khác	2.253.592.511	1.322.337.056
<b>Cộng</b>	<b>216.211.864.296</b>	<b>1.568.938.941</b>

(1) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

(2) Đây là dự án đầu tư xây dựng khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây.

- Mục tiêu: Đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành một khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây trên ô đất H1CC1.
- Quy mô dự án: Tổng diện tích đất là 7.561m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng khoảng 40%; diện tích xây dựng: khoảng 3.024m<sup>2</sup>; số tầng nổi 3-17 tầng; số tầng hầm 02 tầng; hệ số sử dụng đất khoảng 4,80 lần theo Quyết định số 5581/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 13/9/2013 phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu vực trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, tỷ lệ 1/500; văn bản số 2490/QHKT-PI ngày 22/5/2020 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và văn bản số 2160/UBND-ĐT ngày 03/6/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về Quy hoạch ô đất H1CC1.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>308.592.841</b>	<b>328.864.512</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.249.162	-
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	299.343.679	328.864.512
<b>b) Dài hạn</b>	<b>309.032.571.278</b>	<b>322.918.698.433</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.635.528.116	5.162.695.336
- Giá trị lợi thế đầu tư vào công ty con	305.073.314.208	315.653.891.579
- Các khoản khác	1.323.728.954	2.102.111.518
<b>Cộng</b>	<b>309.341.164.119</b>	<b>323.247.562.945</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2024	57.259.019.545	62.287.369.586	17.431.003.704	29.068.514.289	3.546.643.382	169.592.550.506
- Phân loại lại	300.000.000	(2.555.265.170)	1.408.103.913	808.354.562	38.806.695	-
- Mua trong năm	-	-	4.470.829.818	143.027.530	-	4.613.857.348
- Tặng khác	-	8.507.773.215	-	11.584.417.141	-	20.092.190.356
- Thanh lý, nhượng bán	-	(65.361.292.620)	(2.035.820.000)	(138.780.000)	-	(67.535.892.620)
31/12/2024	<u>57.559.019.545</u>	<u>2.878.585.011</u>	<u>21.274.117.435</u>	<u>41.465.533.522</u>	<u>3.585.450.077</u>	<u>126.762.705.590</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2024	(6.491.475.391)	(60.680.669.584)	(6.566.083.497)	(13.723.337.664)	(2.650.258.280)	(90.111.824.416)
- Phân loại lại	-	1.629.079.442	(1.473.527.433)	(159.122.157)	3.570.148	-
- Khấu hao trong năm	(2.250.036.840)	(25.569.456)	(2.832.180.964)	(4.622.711.631)	(296.451.144)	(10.026.950.035)
- Tặng khác	-	(9.096.663.613)	-	-	-	(9.096.663.613)
- Thanh lý, nhượng bán	-	65.361.292.620	882.345.434	34.695.000	-	66.278.333.054
31/12/2024	<u>(8.741.512.231)</u>	<u>(2.812.530.591)</u>	<u>(9.989.446.460)</u>	<u>(18.470.476.452)</u>	<u>(2.943.139.276)</u>	<u>(42.957.105.010)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2024	50.767.544.154	1.606.700.002	10.864.920.207	15.345.176.625	896.385.102	79.480.726.090
31/12/2024	<u>48.817.507.314</u>	<u>66.054.420</u>	<u>11.284.670.975</u>	<u>22.995.057.070</u>	<u>642.310.801</u>	<u>83.805.600.580</u>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 17.898.050.006 VND, tại ngày 01/01/2024 là 85.304.401.936 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	16.121.514.456	744.439.881	16.865.954.337
- Mua trong năm	365.777.778	-	365.777.778
- Tặng khác	7.380.702.819	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(4.480.000.000)	-	(4.480.000.000)
31/12/2024	19.387.995.053	744.439.881	20.132.434.934
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2024	(6.337.960.484)	(48.061.178)	(6.386.021.662)
- Khấu hao trong năm	(1.938.221.338)	(70.140.000)	(2.008.361.338)
- Thanh lý, nhượng bán	4.480.000.000	-	4.480.000.000
31/12/2024	(3.796.181.822)	(118.201.178)	(3.914.383.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	9.783.553.972	696.378.703	10.479.932.675
31/12/2024	15.591.813.231	626.238.703	16.218.051.934

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 4.864.499.881 VND, tại ngày 01/01/2024 là 9.344.499.881 VND.

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	18.171.592.354	18.171.592.354
31/12/2024	18.171.592.354	18.171.592.354
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	(9.750.949.592)	(9.750.949.592)
- Khấu hao trong năm	(457.098.720)	(457.098.720)
31/12/2024	(10.208.048.312)	(10.208.048.312)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	8.420.642.762	8.420.642.762
31/12/2024	7.963.544.042	7.963.544.042

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 3.129.237.304 VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.129.237.304 VND)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH phát triển THT	443.447.980.646	443.447.980.646	474.894.502.331	474.894.502.331
- Ciena Communications Inc	191.343.202.600	191.343.202.600	-	-
- Hudson Capital Holding Ltd	74.309.721.621	74.309.721.621	180.456.183.108	180.456.183.108
- TWS International Trading Pte Ltd	86.043.707.928	86.043.707.928	-	-
- Công ty TNHH Kết cấu thép 568	36.313.081.200	36.313.081.200	34.734.128.000	34.734.128.000
- Công ty CP Thép Kỹ Nam	-	-	70.238.790.846	70.238.790.846
- Công ty TNHH BST	-	-	32.988.973.233	32.988.973.233
- Các đối tượng khác	-	-	33.198.509.703	33.198.509.703
<b>b) Dài hạn</b>	55.438.267.297	55.438.267.297	123.277.917.441	123.277.917.441
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
	<b>443.447.980.646</b>	<b>443.447.980.646</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>474.894.502.331</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công an tỉnh Phú Thọ	117.645.831.417	117.645.831.417	20.148.249.408	20.148.249.408
- BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	94.910.588.180	94.910.588.180	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000
- Công ty CP Mopha	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
- Các đối tượng khác	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
<b>b) Dài hạn</b>	8.125.199.237	8.125.199.237	5.538.205.408	5.538.205.408
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
	<b>117.645.831.417</b>	<b>117.645.831.417</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>20.148.249.408</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	9.422.116.135	13.039.363.556	14.394.024.528	8.067.455.163
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	15.265.198.765	15.265.198.765	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.670.155.700	2.670.155.700	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.191.773.851	17.803.182.606	7.405.404.492	17.589.551.965
- Thuế thu nhập cá nhân	403.319.608	3.919.400.134	3.693.593.230	629.126.512
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.833.408.339	5.833.408.339	-
- Thuế nhà thầu	1.240.449.946	4.395.544.785	4.098.669.836	1.537.324.895
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	68.836.921	68.836.921	113.060.597
	<b>18.370.720.137</b>	<b>62.995.090.806</b>	<b>53.429.291.811</b>	<b>27.936.519.132</b>
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	169.187	169.187
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	777.778.486	780.484.502	2.706.016	-
	<b>777.778.486</b>	<b>780.484.502</b>	<b>2.875.203</b>	<b>169.187</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>36.072.675.525</b>	<b>36.072.675.525</b>	<b>184.296.678.442</b>	<b>190.680.039.432</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>42.456.036.515</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	33.467.050.965	33.467.050.965	160.111.955.521	169.100.941.071	42.456.036.515	42.456.036.515
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	2.605.624.560	2.605.624.560	24.184.722.921	21.579.098.361	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.072.675.525</b>	<b>36.072.675.525</b>	<b>184.296.678.442</b>	<b>190.680.039.432</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>42.456.036.515</b>

(1) Hợp đồng vay số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 600.000.000.000 đồng trong đó:

Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 400.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh LC là: 100.000.000.000 đồng;

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 15/06/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản của khách hàng;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(2) Hợp đồng vay số 01/24/4247448/HĐTD ngày 30/1/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom.

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên (bao gồm cho vay ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, mở LC) : 60.000.000.000 đồng trong đó:

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 29/1/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.862.619.033</b>	<b>714.862.703</b>
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	5.808.860.817	527.345.703
- Các khoản trích trước khác	53.758.216	187.517.000
<b>Cộng</b>	<b>5.862.619.033</b>	<b>714.862.703</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.669.579.388</b>	<b>6.033.264.089</b>
- Doanh thu cho thuê văn phòng	449.427.172	1.903.215.662
- Các khoản khác	1.220.152.216	4.130.048.427
<b>Cộng</b>	<b>1.669.579.388</b>	<b>6.033.264.089</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.350.534.501</b>	<b>4.840.328.424</b>
- Kinh phí công đoàn	2.067.637.814	2.094.611.979
- Cổ tức phải trả	740.717.528	730.339.858
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	718.414.446	1.191.611.874
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.579.247.973</b>	<b>9.881.829.700</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	648.727.973	2.951.309.700
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
<b>Cộng</b>	<b>11.929.782.474</b>	<b>14.722.158.124</b>

(\*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

**24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.635.651.757</b>	<b>2.295.434.584</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.635.651.757	2.295.434.584
<b>b) Dài hạn</b>	<b>18.381.535.268</b>	<b>7.932.484.993</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	18.381.535.268	7.932.484.993
<b>Cộng</b>	<b>20.017.187.025</b>	<b>10.227.919.577</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	64.483.485.315	66.565.854.600
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	64.483.485.315	66.565.854.600

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>587.788.430.000</b>	<b>85.409.783.716</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>166.376.331.752</b>	<b>25.254.244.781</b>	<b>911.439.045.825</b>
- Tăng vốn trong năm trước	235.112.340.000	(85.409.783.716)	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	77.651.944.753	1.500.000.000	79.151.944.753
- Tăng khác	-	-	-	-	-	6.668.891.299	6.668.891.299
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(1.646.504.504)	(3.846.504.504)
+ Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(100.000.000)	(2.300.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.546.504.504)	-
- Điều chỉnh khi thoái vốn công ty con	-	-	-	-	290.455.637	(7.281.597.395)	(6.991.141.758)
- Điều chỉnh do đầu tư thêm vào công ty con	-	-	-	-	(22.746.000)	167.473.525.118	167.450.779.118
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(788)	(1.716.079.860)	(1.716.080.648)
<b>31/12/2023</b>	<b>822.900.770.000</b>	<b>-</b>	<b>10.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>123.393.429.070</b>	<b>190.252.479.439</b>	<b>1.152.156.934.085</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>822.900.770.000</b>	<b>-</b>	<b>10.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>123.393.429.070</b>	<b>190.252.479.439</b>	<b>1.152.156.934.085</b>
- Tăng vốn trong năm nay (1)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	95.447.675.859	3.805.092.303	99.252.768.162
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(1.016.000.000)	(4.516.000.000)
+ Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.016.000.000)	(1.016.000.000)
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	39.403.428	-	39.403.428
- Điều chỉnh do đầu tư thêm vào công ty con	-	-	-	-	(6.750.000.000)	(1.500.000.000)	(8.250.000.000)
<b>31/12/2024</b>	<b>832.900.770.000</b>	<b>-</b>	<b>10.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>208.630.508.357</b>	<b>191.541.571.742</b>	<b>1.248.683.105.675</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu phát hành là 1.000.000 cổ phiếu.

(2) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024.

**26.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.869.170.000	65.869.170.000
- Ông Trần Hùng Giang	48.113.800.000	48.113.800.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	46.986.570.000	47.460.570.000
- Cổ đông khác	671.931.230.000	661.457.230.000
<b>Cộng</b>	<b>832.900.770.000</b>	<b>822.900.770.000</b>

**26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	822.900.770.000	587.788.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	235.112.340.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	832.900.770.000	822.900.770.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>976.000.000</b>	-

**26.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.290.077	82.290.077
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.290.077	82.290.077
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.290.077	82.290.077
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2024	01/01/2024
<i>a) Ngoại tệ các loại:</i>		
Dollar Mỹ (USD)	100.654,99	51.999
<i>b) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.501.213.727	18.501.213.727

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Doanh thu</i>	<b>800.145.221.381</b>	<b>980.089.882.652</b>
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	111.486.426.840	70.560.086.005
- Doanh thu bán hàng hóa	600.221.298.849	807.021.055.030
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.437.495.692	102.508.741.617
<b>Cộng</b>	<b>800.145.221.381</b>	<b>980.089.882.652</b>

*b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 39.1*

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	8.322.497.365	10.485.545.464
- Giá vốn bán hàng hóa	491.811.211.101	733.275.937.883
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	55.816.694.285	42.596.473.687
<b>Cộng</b>	<b>555.950.402.751</b>	<b>786.357.957.034</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.754.539.347	12.053.171.626
- Lãi bán các khoản đầu tư	7.139.480.993	2.711.686.927
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.975.540.000	802.371.125
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.716.055.659	3.325.393.663
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.797.526.516	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	34.300.972.483
<b>Cộng</b>	<b>24.383.142.515</b>	<b>53.193.595.824</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	3.038.829.759	3.715.807.784
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.092.627.907	5.428.839.773
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	772.479.766
- Dự phòng tổn thất đầu tư	(102.178.154)	(1.072.072.622)
- Chi phí tài chính khác	200.977	199.654
<b>Cộng</b>	<b>13.029.480.489</b>	<b>8.845.254.355</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>88.557.070.474</b>	<b>92.865.234.126</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	34.174.062.875	40.617.871.871
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.781.985.040	4.195.503.654
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	8.266.935.443	4.937.967.920
- Chi phí dự phòng	15.924.773.629	28.757.974.501
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.667.387.641	8.720.584.545
- Chi phí bằng tiền khác	16.741.925.846	5.635.331.635
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>49.078.056.131</b>	<b>46.289.273.562</b>
- Chi phí nhân viên	29.052.039.063	30.134.837.252
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.158.813.739	1.272.665.727
- Chi phí dự phòng bảo hành	10.567.070.850	2.843.229.375
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.109.023.226	11.271.577.330
- Chi phí bằng tiền khác	1.191.109.253	766.963.878
<b>Cộng</b>	<b>137.635.126.605</b>	<b>139.154.507.688</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.850.402	796.521.271
- Thưởng dự án	2.094.404.228	-
- Các khoản khác	264.719.594	183.741.487
<b>Cộng</b>	<b>2.368.974.224</b>	<b>980.262.758</b>

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Phạt chậm thực hiện hợp đồng	5.031.985.203	-
- Các khoản chi phí khác	221.448.723	1.226.623.095
<b>Cộng</b>	<b>5.253.433.926</b>	<b>1.226.623.095</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, hàng hoá	155.019.032.984	223.685.918.701
- Chi phí nhân công	71.364.223.707	73.615.694.090
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.492.410.093	7.422.795.548
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.906.527.544	60.871.887.651
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	26.489.448.907	31.601.203.876
- Chi phí bằng tiền khác	31.825.781.252	27.153.939.655
<b>Cộng</b>	<b>379.097.424.487</b>	<b>424.351.439.521</b>

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom	17.607.694.229	8.299.359.089
- Công ty CP Datanova Việt Nam	30.116.549	47.681.437
- Công ty CP Elcom Prime	73.193.129	777.098.786
- Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	92.178.698	109.098.659
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	201.543.966
- Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.803.182.605</b>	<b>9.434.781.937</b>

**37. LÃI/LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.447.675.859	77.651.944.753
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	(3.500.000.000)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>95.447.675.859</b>	<b>74.151.944.753</b>
Ảnh hưởng suy giảm do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>95.447.675.859</b>	<b>74.151.944.753</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**37. LÃI/LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	82.994.091	59.616.229
Ảnh hưởng suy giảm do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (2)	4.163.848	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	87.157.939	59.616.229
	Năm 2024	Năm 2023
	VND/CP	VND/CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.150	1.244
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.095	1.244

(1) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, Công ty chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024. Theo đó, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 1.244 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 trước điều chỉnh là 1.303 VND/CP).

(2) Ngày 04/03/2025, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông báo Nghị quyết HĐQT số 01-03/2025/NQ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.164.503 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 4.163.848 cổ phiếu, trong đó:
  - Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ: 4.163.848 cổ phiếu;
  - Số cổ phiếu lẻ: 609 cổ phiếu (toàn bộ số cổ phiếu này sẽ bị hủy bỏ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán thép: Kinh doanh buôn bán thép.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2024	Đơn vị tính: VND				Cộng
	Thành phẩm phần mềm	Bán thép	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.486.426.840	-	600.221.298.849	88.437.495.692	800.145.221.381
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>111.486.426.840</b>	<b>-</b>	<b>600.221.298.849</b>	<b>88.437.495.692</b>	<b>800.145.221.381</b>
Chi phí bộ phận	(8.322.497.365)	-	(491.811.211.101)	(55.816.694.285)	(555.950.402.751)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.163.929.475	-	108.410.087.748	32.620.801.407	244.194.818.630
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(137.635.126.605)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					106.559.692.025
Doanh thu hoạt động tài chính					24.383.142.515
Chi phí tài chính					(13.029.480.489)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					4.408
Thu nhập khác					2.368.974.224
Chi phí khác					(5.253.433.926)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(17.803.182.605)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.027.052.010
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>99.252.768.162</b>
Tài sản không phân bổ					<b>1.990.032.262.954</b>
Nợ phải trả không phân bổ					<b>741.349.157.279</b>
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>					<b>26.444.208.556</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

<b>Năm 2023</b>	<b>Thành phẩm phần mềm</b>	<b>Bán thép</b>	<b>Bán hàng hóa</b>	<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	70.560.086.005	250.215.374.429	556.805.440.601	102.508.741.617	980.089.642.652
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>70.560.086.005</b>	<b>250.215.374.429</b>	<b>556.805.440.601</b>	<b>102.508.741.617</b>	<b>980.089.642.652</b>
Chi phí bộ phận	(10.485.545.464)	(244.023.723.064)	(489.252.214.819)	(42.596.473.687)	(786.357.957.034)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.074.540.541	6.191.651.365	67.553.225.782	59.912.267.930	193.731.685.618
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(139.154.507.688)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					54.577.177.930
Doanh thu hoạt động tài chính					53.193.595.824
Chi phí tài chính					(8.845.254.355)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(1.785.833.428)
Thu nhập khác					980.262.758
Chi phí khác					(1.226.623.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.434.781.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.137.707.645)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>84.320.836.052</b>
Tài sản không phân bổ					1.821.114.066.062
Nợ phải trả không phân bổ					668.957.131.977
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>					<b>12.321.482.463</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**39. THÔNG TIN KHÁC**

**39.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, các bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - GD Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

**THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT**

<u>Năm 2024</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Tổng thu nhập VND</u>
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	239.452.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	152.065.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	152.065.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	151.835.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	396.047.930
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	399.626.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	738.244.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	313.893.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	306.994.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 19/05/2023)	480.850.000
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 19/05/2023)	106.746.860
<b>Cộng</b>		<b>3.713.818.790</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**39. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**39.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Năm 2023	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HDQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	285.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	177.205.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT /Phó Tổng Giám đốc	446.973.070
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	455.673.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	461.227.273
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	334.900.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	328.021.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ 19/05/2023)	268.122.727
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 19/05/2023)	227.640.000
<b>Cộng</b>		<b>3.615.672.070</b>

**Giao dịch với các bên liên quan**

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động:	Năm 2024	Năm 2023
	CP	CP
+ Ông Phạm Minh Thắng - Tổng Giám đốc	60.000	-
+ Ông Nguyễn Văn Hòa - Phó Tổng Giám đốc	20.000	-
+ Bà Đậu Thị Lý - Kế toán trưởng	6.000	-
<b>Công ty CP Công nghệ VFT</b>		
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	132.048.400	132.188.980
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	120.044.000	120.171.800
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	12.004.400	12.017.180
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	132.048.400	132.188.980
<b>Công ty NPT Solutions INC</b>		
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	1.903.125.000	1.811.812.500
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	1.910.812.500	1.805.625.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**39. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**39.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

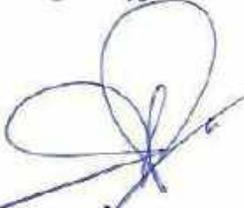
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	302.118.666	471.610.031
+ Giá trị DV thuê Server, DV cước Cloud chưa có thuế GTGT	274.653.333	428.736.392
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	27.465.333	42.873.639
- Thanh toán tiền dịch vụ	432.754.666	471.610.031
Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	213.840.000	217.800.000
+ Giá trị thuê xe ô tô chưa có thuế GTGT	198.000.000	198.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	15.840.000	19.800.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	213.840.000	217.800.000
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279

**39.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
  
Phạm Minh Thắng

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION**  
**AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**  
**FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024**

**TABLE OF CONTENTS**

<b><u>CONTENT</u></b>	<b><u>PAGES</u></b>
STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
CONSOLIDATED BALANCE SHEET	6 - 9
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT	9
CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT	10 - 11
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	12 - 55

## **STATEMENT OF BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

The Board of General Directors of Elcom Technology Communications Corporation (hereinafter referred to as the "Company") presents this report together with the audited consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

### **BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

Members of Board of Management and Board of General Directors of the Company who held office for the fiscal year ended 31 December 2024 are as follows:

#### **Board of management**

Mr. Phan Chien Thang	Chairman
Mr. Nguyen Duc Thien	Vice Chairman
Mr. Tran Hung Giang	Member
Mr. Ngo Ngoc Ha	Member
Mr. Nguyen Duc Thien	Member
Mr. Nguyen Manh Hai	Member
Mr. Nguyen Manh Hung	Member
Mr. Do Minh Tien	Member

#### **Board of Supervisors**

Ms. Ngo Kieu Anh	Head of the Board of Supervisors
Ms. Vu Thi Ngan Ha	Member
Ms. Hoang Thi Phuong Thuy	Member

#### **Board of General Directors and Chief Accountant**

Mr. Pham Minh Thang	General Director
Mr. Ngo Ngoc Ha	Deputy General Director
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy General Director

Chief accountant of the Company is Ms. Dau Thi Ly.

### **EVENTS AFTER THE END OF THE FISCAL YEAR**

The Board of General Directors confirms that there have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments to or disclosures to be made in the consolidated financial statements.

### **THE AUDITOR**

The accompanying consolidated financial statements have been audited by UHY Auditing and Consulting Company Limited.

### **BOARD OF GENERAL DIRECTORS' RESPONSIBILITY**

The Board of General Directors of the Company is responsible for preparing the consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Company for the year ended 31 December 2024 and its results of operations and cash flows for the year then ended. In preparing these consolidated financial statements, the Board of General Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;

**STATEMENT OF BOARD OF GENERAL DIRECTORS (CONT'D)**

**BOARD OF GENERAL DIRECTORS' RESPONSIBILITY (CONT'D)**

- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business;
- Design and implement an effective system of internal control for the purpose of fair preparation and presentation of the consolidated financial statements in order to limit risks and fraud.

The Board of General Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing and presenting the consolidated financial statements.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that accounting records are properly kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and other related legal regulations on preparation and presentation of the consolidated financial statements. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

**OTHER COMMITMENTS**

The Board of General Directors confirms that the Company has fully complied with its regulatory disclosure obligations as stipulated in Circular No. 96/2020/TT-BTC, dated 16 November 2020, issued by the Ministry of Finance, concerning information disclosure in the securities market. The Company also ensures full compliance with the provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP, dated 31 December 2020, issued by the Government, which provides detailed guidance on the implementation of specific provisions of the Securities Law. Furthermore, the Company adheres to the corporate governance requirements outlined in Circular No. 116/2020/TT-BTC, dated 31 December 2020, issued by the Ministry of Finance, which specifies governance standards applicable to public companies under Decree No. 155/2020/ND-CP.

For and on behalf of the Board of General Directors,



**Pham Minh Thang**  
**General Director**  
*Hanoi, 26 March 2025*

No: 264/2025/UHY-BCKT

**INDEPENDENT AUDITORS' REPORT**

*On the consolidated financial statements of Elcom Technology Communications Corporation  
For the fiscal year ended 31 December 2024*

**To: Shareholders**  
**Board of Management and Board of General Directors**  
**Elcom Technology Communications Corporation**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Elcom Technology Communications Corporation (hereinafter referred to as the "Company"), which were prepared on 26 March 2025, as set out on pages 06 to 55, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024, the Consolidated Income Statement and Consolidated Cash Flow Statement for the financial year then ended and the Notes thereto.

**Responsibilities of the Board of General Directors**

The Board of General Directors of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations related to the preparation and presentation of the consolidated financial statements and for such internal control as the Board of General Directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatements, whether due to fraud or error.

**Responsibilities of the Auditors**

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those Standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The selected procedures depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Board of General Directors, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our opinion.

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (CONT'D)

### Opinion of the Auditors

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of Elcom Technology Communications Corporation as at 31 December 2024 and the results of its operations and its cash flows for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations related to preparation and presentation of the consolidated financial statements.



**Nguyen Minh Long**  
**Deputy General Director**  
Auditor's Practicing Certificate  
No.0666-2023-112-1  
*For and on behalf of*  
**UHY AUDITING AND CONSULTING COMPANY LIMITED**  
*Hanoi, 26 March 2025*

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thang', written over a horizontal line.

**Nguyen Minh Thang**  
**Auditor**  
Auditor's Practicing Certificate  
No.4421-2023-112-1

**CONSOLIDATED BALANCE SHEET**

*As at 31 December 2024*

ASSETS	Code	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>1,184,524,982,647</b>	<b>1,214,117,529,930</b>
<b>Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>326,629,549,281</b>	<b>186,196,786,544</b>
Cash	111		187,129,549,281	78,196,786,544
Cash equivalents	112		139,500,000,000	108,000,000,000
<b>Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>115,418,782,600</b>	<b>104,620,407,487</b>
Held-for-trading securities	121		749,959,368	723,320,938
Provision for devaluation of trading	122		(221,176,768)	(143,175,938)
Held-to-maturity investments	123	5.1	114,890,000,000	104,040,262,487
<b>Current accounts receivable</b>	<b>130</b>		<b>661,842,022,220</b>	<b>809,414,896,009</b>
Short-term trade receivables	131	6	627,626,911,601	773,365,334,735
Short-term advances to suppliers	132	7	26,472,717,399	24,936,143,053
Short-term loan receivables	135	8	28,862,800,000	6,000,000,000
Other short-term receivables	136	9	65,594,394,259	75,979,576,065
Provision for doubtful short-term	137	10	(86,714,801,039)	(70,866,157,844)
<b>Inventories</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>77,541,442,346</b>	<b>108,831,975,292</b>
Inventories	141		77,541,442,346	108,831,975,292
<b>Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>3,093,186,200</b>	<b>5,053,464,598</b>
Short-term prepaid expenses	151	13	308,592,841	328,864,512
Value-added tax deductible	152		2,784,424,172	3,946,821,600
Taxes and other receivables from the State	153	19	169,187	777,778,486
<b>NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>805,507,280,307</b>	<b>606,996,536,132</b>
<b>Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>62,785,789,957</b>	<b>63,114,765,957</b>
Long-term advance to suppliers	212	7	13,000,000,000	13,000,000,000
Long-term loan receivables	215	8	-	2,900,000,000
Other long-term receivables	216	9	49,785,789,957	47,214,765,957
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>100,023,652,514</b>	<b>89,960,658,765</b>
<b>Tangible fixed assets</b>	<b>221</b>	<b>14</b>	<b>83,805,600,580</b>	<b>79,480,726,090</b>
- Cost	222		126,762,705,590	169,592,550,506
- Accumulated depreciation	223		(42,957,105,010)	(90,111,824,416)
<b>Intangible fixed assets</b>	<b>227</b>	<b>15</b>	<b>16,218,051,934</b>	<b>10,479,932,675</b>
- Cost	228		20,132,434,934	16,865,954,337
- Accumulated amortization	229		(3,914,383,000)	(6,386,021,662)
<b>Investment properties</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>7,963,544,042</b>	<b>8,420,642,762</b>
- Cost	231		18,171,592,354	18,171,592,354
- Accumulated depreciation	232		(10,208,048,312)	(9,750,949,592)
<b>Long-term assets in progress</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>216,211,864,296</b>	<b>1,568,938,941</b>
Construction in progress	242		216,211,864,296	1,568,938,941

**CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT'D)**  
*As at 31 December 2024*

ASSETS	Code	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>Long-term investments</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>108,743,512,767</b>	<b>120,839,462,375</b>
Investments in associates, jointly controlled entities	252		36,947,468,422	36,947,464,014
Investment in other entities	253		77,073,000,000	89,349,133,000
Provision for long-term investments	254		(5,276,955,655)	(5,457,134,639)
<b>Other non-current assets</b>	<b>260</b>		<b>309,778,916,731</b>	<b>323,092,067,332</b>
Long-term prepaid expenses	261	13	309,032,571,278	322,918,698,433
Deferred income tax assets	262		746,345,453	173,368,899
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>1,990,032,262,954</b>	<b>1,821,114,066,062</b>

**CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONT'D)**  
*As at 31 December 2024*

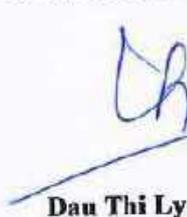
RESOURCES	Code	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>741,349,157,279</b>	<b>668,957,131,977</b>
<b>Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>650,904,888,723</b>	<b>584,576,962,684</b>
Short-term trade payables	311	17	443,447,980,646	474,894,502,331
Short-term advances from customers	312	18	117,645,831,417	20,148,249,408
Taxes and other payables to the State	313	19	27,936,519,132	18,370,720,137
Payables to employees	314		7,122,094,916	9,697,835,428
Short-term accrued expenses	315	21	5,862,619,033	714,862,703
Short-term unearned revenues	318	22	1,669,579,388	6,033,264,089
Other short-term payables	319	23	4,350,534,501	4,840,328,424
Short-term loan and finance lease	320	20	36,072,675,525	42,456,036,515
Short-term provisions	321	24	1,635,651,757	2,295,434,584
Bonus and welfare fund	322		5,161,402,408	5,125,729,065
<b>Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>90,444,268,556</b>	<b>84,380,169,293</b>
Other long-term payables	337	23	7,579,247,973	9,881,829,700
Deferred income tax liabilities	341	25	64,483,485,315	66,565,854,600
Long-term provisions	342	24	18,381,535,268	7,932,484,993
<b>OWNERS' EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>1,248,683,105,675</b>	<b>1,152,156,934,085</b>
<b>Owners' equity</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>1,248,683,105,675</b>	<b>1,152,156,934,085</b>
Share capital	411		832,900,770,000	822,900,770,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		832,900,770,000	822,900,770,000
Investment and development funds	418		10,410,255,576	10,410,255,576
Other funds under equity	420		5,200,000,000	5,200,000,000
Retained earnings	421		208,630,508,357	123,393,429,070
- Accumulated retained earnings brought forward	421a		119,932,832,498	45,741,484,317
- Retained earnings for the current year	421b		88,697,675,859	77,651,944,753
Non-controlling interests	429		191,541,571,742	190,252,479,439
<b>TOTAL RESOURCES</b>	<b>440</b>		<b>1,990,032,262,954</b>	<b>1,821,114,066,062</b>

Hanoi, 26 March 2025

Preparer

  
Chu Hong Hanh

Chief Accountant

  
Dau Thi Ly

General Director



  
Pham Minh Thang

**CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**  
 For the fiscal year ended 31 December 2024

Items	Code	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
<b>Revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>800,145,221,381</b>	<b>980,089,882,652</b>
Revenue deductions	02		-	240,000
<b>Net revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>10</b>		<b>800,145,221,381</b>	<b>980,089,642,652</b>
<b>Cost of goods sold and services rendered</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>555,950,402,751</b>	<b>786,357,957,034</b>
<b>Gross profit from sale of goods and rendering of services</b>	<b>20</b>		<b>244,194,818,630</b>	<b>193,731,685,618</b>
Financial income	21	30	24,383,142,515	53,193,595,824
Financial expenses	22	31	13,029,480,489	8,845,254,355
- In which: Interest expenses	23		3,038,829,759	3,715,807,784
Share in profits of associates, joint-ventures	24		4,408	(1,785,833,428)
Selling expenses	25	32	49,078,056,131	46,289,273,562
General and administrative expenses	26	32	88,557,070,474	92,865,234,126
<b>Operating profit</b>	<b>30</b>		<b>117,913,358,459</b>	<b>97,139,685,971</b>
Other income	31	33	2,368,974,224	980,262,758
Other expenses	32	34	5,253,433,926	1,226,623,095
<b>Profit from other activities</b>	<b>40</b>		<b>(2,884,459,702)</b>	<b>(246,360,337)</b>
<b>Net profit before tax</b>	<b>50</b>		<b>115,028,898,757</b>	<b>96,893,325,634</b>
Current corporate income tax expense	51	36	17,803,182,605	9,434,781,937
Deferred tax income	52		(2,027,052,010)	3,137,707,645
<b>Net profit after tax</b>	<b>60</b>		<b>99,252,768,162</b>	<b>84,320,836,052</b>
After-tax profit of the parent company	61		95,447,675,859	77,651,944,753
Non-controlling shareholders' after-tax profits	62		3,805,092,303	6,668,891,299
<b>Basic earnings per share</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>1,150</b>	<b>1,244</b>
<b>Diluted earnings per share</b>	<b>71</b>	<b>37</b>	<b>1,095</b>	<b>1,244</b>

Hanoi, 26 March 2025

Preparer

  
**Chu Hong Hanh**

Chief Accountant

  
**Dau Thi Ly**

General Director



**Pham Minh Thang**

**CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENTS**

**(Applying indirect method)**

*For the fiscal year ended 31 December 2024*

Items	Code Note	Year 2024	Year 2023
		VND	VND
<b>Cash flows from operating activities</b>			
<b>Profit before tax</b>	<b>1</b>	<b>115,028,898,757</b>	<b>96,893,325,634</b>
<b>Adjustments for:</b>			
Depreciation and amortization	02	12,492,410,093	7,422,795,548
Provisions	03	25,704,463,448	29,710,385,889
Foreign exchange (gains)/losses arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	04	(1,797,526,516)	772,479,766
(Profits)/losses from investing activities	05	(17,936,966,297)	(47,678,165,733)
Interest expenses	06	3,038,829,759	3,715,807,784
Other adjustments	07	(8,250,000,000)	-
<b>Operating profit/(loss) before changes in working capital</b>	<b>08</b>	<b>128,280,109,244</b>	<b>90,836,628,888</b>
Increase/decrease in receivables	09	133,234,158,774	(314,897,710,350)
Increase/decrease in inventories	10	11,001,902,986	931,322,962
Increase/decrease in payables (excluding interest, corporate income tax)	11	(132,367,484,667)	331,247,812,734
Increase/decrease in prepaid expenses	12	13,906,398,826	(573,882,970)
Increase/decrease in held-for-trading securities	13	(26,638,430)	-
Interest paid	14	(3,093,841,935)	(3,715,807,784)
Corporate income tax paid	15	(7,405,573,679)	(3,937,078,606)
Other cash outflows for operating activities	17	(3,464,326,657)	(4,057,159,443)
<b>Net cash flows operating activities</b>	<b>20</b>	<b>140,064,704,462</b>	<b>95,834,125,431</b>
<b>Cash flows from investing activities</b>			
Purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(26,444,208,556)	(12,321,482,463)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22	249,800,000	1,063,750,000
Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of other entities	23	(175,047,500,000)	(200,718,000,000)
Collections from borrowers and proceeds from sale of debt instruments of other entities	24	128,484,700,000	224,133,000,000
Payments for investments in other entities	25	(8,458,800,000)	(21,000,000,000)
Proceeds from equity investments in other entities	26	67,689,960,000	2,670,000,000
Interest income, dividend and dividends distributed	27	11,239,108,334	12,153,484,121
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>	<b>(2,286,940,222)</b>	<b>5,980,751,658</b>

**CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENTS (CONT'D)**  
**(Applying indirect method)**  
*For the fiscal year ended 31 December 2024*

Items	Code	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
<b>Cash flows from financing activities</b>				
Capital contribution and issuance of shares	31		10,000,000,000	1,500,000,000
Proceeds from borrowings	33		192,296,678,442	164,498,423,703
Repayment of principal	34		(198,680,039,432)	(152,941,587,188)
Dividends paid, profits distributed to owners	36		(1,005,622,330)	(1,546,504,504)
<b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>40</b>		<b>2,611,016,680</b>	<b>11,510,332,011</b>
<b>Net increase in cash for the year</b>	<b>50</b>		<b>140,388,780,920</b>	<b>113,325,209,100</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>186,196,786,544</b>	<b>72,857,962,923</b>
Impact of exchange rate fluctuations	61		43,981,817	13,614,521
<b>Cash and cash equivalents at the end of the year</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>326,629,549,281</b>	<b>186,196,786,544</b>

*Hanoi, 26 March 2025*

**Preparer**

  
**Chu Hong Hanh**

**Chief Accountant**

  
**Dau Thi Ly**

**General Director**



  
**Pham Minh Thang**

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**1. BUSINESS HIGHLIGHTS**

**1.1 STRUCTURE OF OWNERSHIP**

Elcom Technology Communications Corporation is a joint stock company established under Vietnam's Enterprise Law with Business Registration Certificate No. 0101435127 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on 18 July 2003 and subsequently amended multiple times, with the latest (31<sup>st</sup>) amendment issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 15 May 2024.

The Company's headquarters is located at: Elcom Building, Duy Tan Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi.

The Company's charter capital, according to the 31<sup>st</sup> amendment to the Business Registration Certificate dated 15 May 2024, is VND 832,900,770,000 (Eight hundred thirty-two billion, nine hundred million, seven hundred seventy thousand dong), equivalent to 83,290,077 shares, with a par value VND 10,000 per share.

The Company's shares are traded under the ticker symbol ELC and are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).

**1.2 BUSINESS SECTORS**

The Company's business fields are production, trade and services.

**1.3 PRINCIPAL BUSINESS ACTIVITIES**

The Company's principal activities in 2024 include:

- Producing computer software, transferring information technology, installing high-tech systems and production lines;
- Consulting on information systems, automation systems and electronic telecommunications systems;
- Entertainment information services with radio, television, and newspapers;
- Office rental and house rental services for business purposes and property rental;
- Other activities according to the Business Registration Certificate.

**1.4 NORMAL BUSINESS CYCLE**

The normal business cycle of the Company is within 12 months.

**1.5 BUSINESS STRUCTURES**

The company has subsidiaries, associates, (or affiliated units) as follows:

*List of directly controlled subsidiaries:*

<b>Name of Company</b>	<b>Address</b>	<b>Main activities</b>	<b>Interest</b>	<b>Voting rights</b>
Elcom Software Solutions Co., Ltd.	Elcom Building, Duy Tan Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi	Producing computer software, installing high-tech systems and lines;	100%	100%
Datanova Vietnam JSC	Elcom Building, Duy Tan Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi	Provide value-added services	93%	93%

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**1 BUSINESS HIGHLIGHTS (CONT'D)**

**1.5 BUSINESS STRUCTURES (CONT'D)**

*List of directly controlled subsidiaries (cont'd):*

<u>Name of Company</u>	<u>Head office address</u>	<u>Principal Business activities</u>	<u>Interest</u>	<u>Voting rights</u>
Elcom Prime Joint Stock Company	6th Floor, Fimexco Building, 231-233 Le Thanh Ton, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	Publishing software, manufacturing electronic components	70%	70%
Hanoi Trading Group Joint Stock Company	6th floor, 18 Nguyen Chi Thanh, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi	Producing and trading electronic components, software, and real estate	68.68%	68.68%
Vietnam Computer and Communications JSC	No. 18 Nguyen Chi Thanh Street, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi	Producing and trading computer software, office rental services	50.5%	50.5%

*List of indirectly controlled subsidiaries:*

<u>Name of Company</u>	<u>Head office address</u>	<u>Principal Business activities</u>	<u>Interest</u>	<u>Voting rights</u>
Smartek Investment Joint Stock Company (Subsidiary of Datanova Vietnam JSC)	4th Floor, High-Tech Incubation & Training Center, Hoa Lac High-Tech Park, Thach Hoa Commune, Thach That District, Hanoi	Software publishing	88.35%	88.35%

*List of joint ventures and associates:*

<u>Name of Company</u>	<u>Head office address</u>	<u>Principal Business activities</u>	<u>Interest</u>	<u>Voting rights</u>
Bac Kan New Material Technology JSC	No. 91, Tran Hung Dao Street, Group 1A, Duc Xuan Ward, Bac Kan City, Bac Kan Province, Vietnam	Mining metal ores	42.97%	42.97%
VFT Technology Joint Stock Company	Street 72, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam	Production and selling telecommunications systems and software development	41.58%	41.58%

*List of dependent accounting units:*

<u>Name of Company</u>	<u>Address</u>	<u>Main activities</u>
Ho Chi Minh City Branch	Ho Chi Minh City	Telecommunication services installation
Da Nang representative office	Da Nang City	Company representative for customer transactions

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**1. BUSINESS HIGHLIGHTS (CONT'D)****1.6 STATEMENT OF COMPATIBILITY OF INFORMATION ON CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

The corresponding information, data and figures in the Company's consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2023 are presented as comparative ones.

**1.7 EMPLOYEES**

The total number of employees of the Company as at 31 December 2024 was 261 people (as at 31 December 2023: 236 people).

**2. APPLICABLE ACCOUNTING CONVENTION AND ACCOUNTING REGIME****2.1 APPLICABLE ACCOUNTING CONVENTION**

The Company applied to Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System issued under Circular 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance guiding Corporate Accounting System and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing a number of articles of Circular 200/2014/TT-BTC; prepared and presented the consolidated financial statements according to Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations, or cash flows in accordance with generally accepted accounting principles and practices in countries other than Vietnam.

**2.2 STATEMENT OF COMPLIANCE WITH ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM**

The Board of General Directors ensures compliance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, circulars guiding the implementation of accounting standards by the Ministry of Finance, and other legal regulations related to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

**2.3 FISCAL YEAR**

The fiscal year of the Company begins on 1 January and ends on 31 December of the calendar year.

**2.4 ACCOUNTING CURRENCY**

The unit of currency used in accounting is Viet Nam Dong (VND), as receipts and payments are mainly made by VND.

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES**

The significant accounting policies adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements are as follows:

The consolidated financial statements include the Company's financial statements and the financial statements of entities controlled by the Company (its subsidiaries). This control is achieved when the Company has the ability to control the financial policies and operations of investee companies in order to obtain benefits from their activities. When determining controls, consideration is given to potential voting rights arising from purchasing options or convertible debt instruments and equity instruments that can be converted to common stocks on the end of the accounting period.

The results of subsidiaries acquired or sold during the period are presented in the consolidated income statements from the date of purchase or until the date of sale of the investment in that subsidiary.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.1 BASIS OF PREPARATION OF CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

The financial statements of the parent company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply uniform accounting policies to transactions and events of the same nature in similar circumstances. Where necessary, the financial statements of subsidiaries are appropriately adjusted so that the significant accounting policies at the Company and its subsidiaries are the same.

All transactions and balances between companies within the same group are eliminated when the financial statements are consolidated.

The balances of the accounts on the balance sheet between the parent company and its subsidiaries and between each subsidiary, internal transactions, unrealized internal interests arising from these transaction shall be completely excluded. Unrealized losses arising from internal transactions are also eliminated unless the costs resulting from such losses are non-recoverable.

**Non-controlling shareholder interests**

Non-controlling interest in the net assets of the consolidated subsidiary is defined as a separate indicator separated from the shareholders' equity portion of the parent company. Non-controlling shareholder interests include the value of the non-controlling shareholder's interests at the date of the initial business combination and the non-controlling shareholder's share of the interest in the fluctuation of total equity since the date of the business combination. Losses incurred at the subsidiary must be distributed in proportion to the non-controlling shareholder's share, even if such losses are greater than the non-controlling shareholder's share in the subsidiary's net assets.

**Business Combinations**

Business combinations are accounted for by the purchase method at the date of purchase, which is the date on which control is transferred to the Company. Control exists when the Company has the power to govern an entity's financial and operational policies in order to derive economic benefits from its activities. In assessing control, the Company must consider the potential voting rights that may be possible at the present time.

According to the acquisition method, the assets, liabilities and contingent liabilities of the company to be purchased are determined at fair value at the date of purchase. Any extras between the purchase price and the total fair value of the property purchased are noted as goodwill. Any shortfall between the purchase price and the total fair value of the assets purchased is recognized in the results of business operations of the accounting period in which the purchase of the subsidiary arose.

Non-controlling shareholder interests at the date of initial business combination are determined on the basis of the ratio of non-controlling shareholders to the total fair value of recognized assets, liabilities, and contingent liabilities.

The company invests to increase the percentage of interests held in the subsidiary, the difference between the cost of the additional investment and the book value of the net assets of the additional purchased subsidiary at the date of purchase is recorded directly into the item "Retained earnings" on the consolidated statements of financial position.

When the company withdraws a share of its subsidiary:

- If the Company retains control after the divestments: The result of the withdrawn capital is recorded in the item "Distributed profit after tax" on the consolidated statements of financial position.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.1 BASIS OF PREPARATION OF CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

- If after divestment, the Company loses control and the subsidiary becomes a joint venture or associate company; the remaining investment is presented in the section "Investment in joint venture and associate companies" on the consolidated financial statements following the equity method and the results of the divestment are recorded in the consolidated income statement.

In the case that the subsidiary raises additional capital contributions from the owners if the additional capital contribution ratio of the parties does not correspond to the current ratio, the difference between the Company's additional capital contribution and the ownership portion increases in the additional net assets of the subsidiary are recorded in the item "retained earning" on the consolidated statements of financial position.

**Invest in associates**

An associate is a company over which the Company has significant influence but has no control over financial and operating policies. Significant influence is reflected in the investee's right to participate in decision-making on financial and operational policies but has no influence in terms of controlling or co-controlling these policies.

Investments in associated companies are recorded using the equity method. Accordingly, the investment in an associate is shown on the consolidated financial statements according to the initial investment cost and adjusted for changes in the interest on the net assets of the associate after the date invest. If the interest of the Parent Company and its Subsidiaries in the loss of the associated company is greater than or equal to the book value of the investment, the value of the investment presented in the consolidated financial statements is zero unless the Company and its subsidiaries have obligations to make payments on behalf of the associate.

The financial statements of associated companies are prepared in the same accounting period as the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries. When the accounting policy of an associate company is different from the accounting policy applied uniformly in the Company and its subsidiaries, the financial statements of the associate company will have appropriate adjustments before being used for preparation of consolidated financial statements.

Unrealized profits and losses arising from transactions with associated companies are eliminated corresponding to the portion belonging to the Company and its subsidiaries when preparing the consolidated financial statements.

**3.2 ACCOUNTING ESTIMATES**

Consolidated financial reporting in conformity with Vietnamese Accounting Standards, requires management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenue and expenses during the financial year. Actual business results may differ from estimates and assumptions.

**3.3 FOREIGN CURRENCY**

Transactions arising in foreign currency are converted at the exchange rate on the date of the transaction. The closing balances of monetary items denominated in foreign currency at the end of the financial year are undergone conversion using the exchange rate on that date.

Foreign exchange rate differences arising during the year from foreign currency transactions are recognized in financial income or financial expenses. The exchange rate differences from re-evaluating monetary items denominated in foreign currency at the date of the financial year, after offsetting the increases and decreases in differences, are recorded in financial income or financial expenses.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)**

**3.3 FOREIGN CURRENCY (CONT'D)**

The exchange rates utilized to convert foreign currency transactions are the actual transaction rates at the time of these occurrence. The actual rate for foreign currency deals are determined as follows:

- The actual transaction exchange rate for buying and selling foreign currencies (spot contracts, forward contracts, futures contracts, options contracts, and swap contracts) is the exchange rate agreed upon in the foreign currency purchase and sale contracts between the Company and the bank.
- If the contract does not specify the payment exchange rate:
  - For capital contributions or received investments: the buying exchange rate of the bank where the company opens a bank account to receive funds from the investor on the date of the contribution.
  - For accounts receivables: the buying exchange rate of the commercial bank designated by the Company for the customer's payment at the time the transaction occurs.
  - For accounts payables: the selling exchange rate of the commercial bank where the Company expects to conduct the transaction at the time the transaction occurs.
  - For transactions involving the purchase of assets or expenses that are immediately settled in foreign currency (not through accounts payable): the buying exchange rate of the commercial bank where the Company makes the payment.

The exchange rate when re-evaluating monetary items denominated in foreign currencies at the end of the financial year is determined according to the following principles:

- For foreign currency accounts at banks: the exchange rate for buying foreign currency by the commercial bank where the Company opened these accounts.
- For monetary items denominated in foreign currency classified as other assets: the exchange rate for buying foreign currency by the Commercial Bank, which the Company regularly make transactions.
- For monetary items denominated in foreign currency classified as accounts payable: the exchange rate for selling foreign currency by the Commercial Bank, which the Company regularly makes transactions.

**3.4 CASH AND CASH EQUIVALENTS**

Cash includes cash on hand, demand deposits, and term deposits. Cash equivalents are short-term investments with a maturity or redemption term of no more than three months from the date of purchase, which are readily convertible to known amounts of cash and subject to an insignificant risk of changes in value.

**3.5 FINANCIAL INVESTMENTS**

*Trading Securities*

Trading securities are securities held by the Company for business purposes, that is, purchased and sold by the Company to make a profit. The company holds trading securities including:

- Stocks and bonds listed on the stock market;
- Other types of securities and financial instruments.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.5 FINANCIAL INVESTMENTS (CONT'D)**

Trading securities are initially recorded at cost, including: Purchase price plus (+) directly related costs (if any) such as brokerage, transaction, information provision, taxes and fees and bank fees... The time to record trading securities is the time the investor has ownership, specifically as follows:

- Listed securities are recorded at the time of order matching (T+0);
- Unlisted securities are recorded at the time of official ownership according to the provisions of law.

Interest, dividends and profits of periods before trading securities are purchased are accounted for as a decrease in the value of those trading securities. Interest, dividends and profits of periods after trading securities are purchased are recorded as financial income. Dividends received in shares are only tracked by the number of additional shares, the value of shares received is not recorded. Exchanged shares are determined at fair value at the exchange date. The fair value of the shares is determined as follows:

- For shares of listed companies, the fair value of the shares is the closing price listed on the stock market at the exchange date or the most recent transaction date up to the exchange date if at the exchange date the stock market is not trading.
- For unlisted shares traded on UPCOM, the fair value of the shares is the closing trading price on UPCOM at the exchange date or the most recent transaction date up to the exchange date if at the exchange date the UPCOM is not trading.
- For other unlisted stocks, the fair value of the stock is the price agreed upon by the parties according to the contract or the book value at the time of exchange.

Provision for devaluation of trading securities is made for each type of security that is traded on the market and has a fair market value lower than the original cost. The fair value of trading securities listed on the stock market or traded on UPCOM is determined according to the closing price on the most recent transaction date up to the date of closing books for preparing the consolidated financial statements.

In case of unlisted trading securities, unregistered trading or listed on the market without a trading price within 30 days before the date of provisioning or at the date of provisioning, the securities are canceled listed or suspended from trading or stopped trading, the determination of the level of provisioning is similar to the case of investing in other economic units.

Increases and decreases in provisions for devaluation of trading securities that need to be appropriated at the closing date of preparing financial statements are recorded in financial expenses.

***Held-to-maturity investments***

Held-to-maturity investments include investments that the Company intends and has the ability to hold to maturity. Investments held to maturity include: term deposits (including bills, promissory notes), bonds, preferred shares that are required to be redeemed at a certain time in the future, and other investments held to maturity.

Held-to-maturity investments are recognized starting from the date of purchase and are valued initially at the purchase price and the costs associated with the purchase of investments. Interest income from investments held up to maturity after the date of purchase is recognized on the Income Statement on a receivable basis. The interest enjoyed before the Company holds is written down from the original price at the time of purchase.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.5 FINANCIAL INVESTMENTS (CONT'D)**

Investments held to maturity are determined at cost minus bad receivables provision.

When there is solid evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the amount of loss is reliably determined, the loss is recognized in the financial cost during the year/period and directly reduces the value of the investment.

*Loans*

Loans are determined at cost less provisions for doubtful debts.

Provision for bad debts of loans is established based on the expected level of loss that may occur.

*Invest in capital instruments of other entities*

Investments in capital instruments of another entity include capital instrument investments but the Company has no control, co-control or significant influence over the invested party.

Investments in capital instruments of another entity are initially recognized at cost, including purchase price or capital contribution plus direct costs related to investment activities. Dividends and profits for periods before the investment is purchased are accounted for a decrease in the value of the investment itself. Dividends and profits of periods after the investment is purchased are recognized as revenue. Dividends received in shares may only follow up the number of additional shares, not recognize the value of shares received.

Provision for losses for investments in capital instruments of other entities set aside at the time of preparing the consolidated financial statements when the investments have a decline compared to the original price, the Company shall make provision as follows:

- For an investment in listed shares or the fair value of a reliably determined investment, provisioning is based on the market value of the shares.
- For an investment whose fair value cannot be determined at the time of reporting, the reserve shall be set aside with an appropriation equal to the difference between the actual contributed capital of the parties in another unit and the actual equity multiplied by the ratio of the Company's capital contribution compared to the total actual contributed capital of the parties in another entities.

Increase or decrease the amount of provision for investment losses in capital instruments of other entities that need to be set aside at the closing date of the consolidated financial statements is recognized in financial expenses.

**3.6 RECEIVABLES**

Receivables are presented at their carrying amounts less the provision for doubtful debts. The classification of receivables is made based on the following principles:

- Trade receivables represent amounts receivable arising from commercial transactions between the Company and buyers who are independent entities, including receivables from entrusted export sales to other entities.
- Other receivables represent amounts receivable that are non-commercial in nature and not related to purchase and sale transactions.

The provision for doubtful debts is made for each doubtful receivable based on the estimated possible loss. Increases or decreases in the provision for doubtful debts at the financial statement closing date are recognized in administrative expenses.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.7 INVENTORIES**

Inventories are measured at the lower of cost or net realizable value.

The cost of inventories is determined as follows:

- Finished goods: includes the cost of raw materials, direct labor and directly related general production costs allocated based on the normal level of activity.
- Work in progress: Accumulated based on the actual costs incurred for each type of unfinished product.

Net realizable values are the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses on product consumption.

The Company applies the perpetual inventory method to account for inventories. The selling price of inventories is calculated using the weighted average.

As at 31 December 2024, The company has no inventory for which it needs to set up a provision for price reduction.

**3.8 TANGIBLES FIXED ASSETS**

Tangible fixed assets are presented at cost less accumulated depreciation. The cost of tangible fixed assets includes all expenditures directly attributable to bringing the asset to the condition and location necessary for it to be capable of operating in the manner intended by management. Subsequent expenditures are only capitalized as an increase to the asset's carrying amount when it is probable that such expenditures will result in future economic benefits flowing to the Company from the use of the asset. Expenditures that do not meet this criterion are recognized as production or operating expenses in the period incurred.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their original cost and accumulated depreciation are written off, and any resulting gain or loss from the disposal is recognized in profit or loss for the year.

Tangible fixed assets are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful lives. Depreciation years for tangible fixed assets are as follows:

<i>Fixed assets</i>	<i>Useful life (year)</i>
- Buildings and structures	25
- Machinery and equipment	03 - 08
- Vehicles and transmission equipment	05 - 10
- Management equipment	03 - 08

**3.9 INTANGIBLES FIXED ASSETS**

Intangible fixed assets are recognized at cost and are presented in the balance sheet at their historical cost, accumulated amortization, and net book value.

The cost of intangible fixed assets includes all expenditures directly attributable to bringing the asset to the condition and location necessary for it to be capable of operating in the manner intended by management. Subsequent expenditures related to intangible fixed assets are recognized as production or operating expenses in the period incurred unless they are associated with a specific intangible fixed asset and result in an increase in the expected future economic benefits from that asset.

When intangible fixed assets are sold or disposed of, their original cost and accumulated amortization are written off, and any resulting gain or loss from the disposal is recognized in profit or loss for the year.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.9 INTANGIBLES FIXED ASSETS (CONT'D)**

The Company's intangible fixed assets include software programs and other intangible fixed asset.

***Software programs***

Costs related to computer software programs that are not part of the related hardware are capitalized. The original cost of computer software is all the costs that the Company has incurred up to the time the software is put into use. Computer software is amortized on a straight-line basis over 05 - 08 years.

**3.10 INVESTMENT PROPERTIES**

Investment property is buildings, architectural owned by the Company awaiting appreciation. Investment property is presented at cost less accumulated depreciation. The cost of investment property includes all expenditures incurred by the Company or the fair value of any consideration given to acquire the investment property at the time of purchase or upon completion of construction.

Expenses related to investment property incurred after initial recognition are recognized as expenses, unless these expenses are expected to enhance the investment property's ability to generate future economic benefits beyond the originally assessed level of operation, in which case they are added to the capital cost.

When investment properties are sold, their original cost and accumulated depreciation are written off, and any resulting gain or loss from the disposal is recognized in profit or loss for the year.

Investment properties held for capital appreciation are not depreciated. However, if there is clear evidence that the value of such investment properties has declined compared to their market value, and the decrease can be reliably determined, the carrying amount of the investment properties held for capital appreciation is reduced accordingly. The resulting loss is recognized in cost of goods sold.

**3.11 CONSTRUCTION IN PROGRESS**

Construction in progress represents the costs directly attributable (including related borrowing costs in accordance with the Company's accounting policies) to assets that are under construction or equipment under installation for production, rental, or administrative purposes, as well as costs related to the ongoing repair of fixed assets. These assets are recognized at cost and are not depreciated.

The Company's construction in progress includes the costs of acquiring fixed assets and expenditures related to the Phuc Dien Project and Tay Ho Project.

**3.12 PREPAID EXPENSES**

Prepaid expenses include actual expenses that have already been incurred but are related to the business operations of multiple accounting periods. The Company's prepaid expenses include tools and instruments issued for use and pending allocation, repair expenses of fixed assets, prepaid land lease payments, business advantages, goodwill, incorporation expenses, and other prepaid expenses.

Tools and supplies: Tools and supplies that have been put into use are allocated to cost on a straight-line method for the period during 24 months.

Insurance costs, warehouse rental expenses, and other prepaid expenses are allocated on a straight-line basis over the actual period in which they are incurred.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.13 LIABILITIES AND PAYABLE EXPENSES**

Liabilities and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future in relation to goods and services already received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amounts payable.

The classification of payables into trade payables, accrued expenses, internal payables, and other payables is made according to the following principles:

- Trade payables represent amounts payable arising from commercial transactions related to the purchase of goods, services, and assets from suppliers who are independent entities of the Company.
- Accrued expenses represent amounts payable for goods and services already received from suppliers or already provided to customers but not yet paid due to the absence of invoices or incomplete accounting documents, as well as accrued production and business expenses.
- Other payables represent amounts payable that are non-commercial in nature and not related to transactions of buying, selling, or providing goods and services.

**3.14 BORROWING AND FINANCIAL LEASE LIABILITY**

Loans and finance lease liabilities are recognized on the basis of bank documents, contracts and loan contracts.

Loans and finance lease liabilities are tracked by object, term, and original currency.

**3.15 BORROWING COSTS**

Borrowing costs include interest expenses and other costs incurred directly in connection with borrowings.

Borrowing costs are recognized in production and business expenses in the year when they are incurred, unless they are capitalized in accordance with the provisions of Accounting Standard "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of assets that take a relatively long time to complete are added to the cost of the assets until the asset is put into use or business. Gains arising from the temporary investment of loans are written off at the cost of the related assets. For specific borrowings used to finance the construction of fixed assets or investment properties, interest expenses are capitalized even when the construction period is less than 12 months.

For general borrowings partly used for the construction or production of qualifying assets, the amount of borrowing costs eligible for capitalization is determined by applying a capitalization rate to the weighted average of the cumulative expenditures incurred on the qualifying assets during the period. The capitalization rate is the weighted average interest rate applicable to the borrowings that are outstanding during the year, excluding specific borrowings made for the purpose of obtaining a particular asset.

**3.16 PROVISIONS**

Provisions are recognized when the Company has a present obligation (legal or constructive) as a result of a past event, and settlement of the obligation is likely to result in the economic benefits and value of the obligation can be estimated reliably.

If the effect of time is material, provisions will be determined by discounting future payments to settle debt obligations at a pre-tax discount rate that reflects current market assessments of the time value of money and the specific risks of that debt. The increase in provisions due to the passage of time is recognized as a financial expense.

The Company's payable provisions reflect the provisions for product and goods warranties, construction works warranties, severance allowance provisions and other payable provisions.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)**

**3.16 PROVISIONS (CONT'D)**

*Provision for product and goods warranty*

Provision for product and goods warranty costs is made for each type of product and goods with a warranty commitment.

The level of provision for product and goods warranties is 5% of the project value. This rate is estimated based on warranty costs in the previous years and the weighted rate of all possible consequences with corresponding probabilities. Increases and decreases in product and goods warranty provisions that need to be appropriated at the closing date of preparing financial statements are recorded in selling expenses.

**3.17 UNEARNED REVENUE**

Unearned revenue includes advance payments received from customers for one or more accounting periods relating to the lease of assets. The Company recognizes unearned revenue based on the obligations it is required to fulfill in the future.

Unearned revenue allocation method: Revenue is allocated evenly over the year in accordance with the lease terms specified in the asset lease contracts.

**3.18 OWNER'S EQUITY**

Owner's contributed capital is recognized based on the actual capital contributed by shareholders, which has been approved by the competent regulatory authorities.

*Share premium*

Share premium is recognized as the difference between the issuance price and the par value of shares at the time of initial issuance, additional issuance, the difference between the re-issuance price and the book value of treasury shares, and the equity component of convertible bonds upon maturity. Direct costs related to additional share issuance and the re-issuance of treasury shares are deducted from the share premium.

*Other capital of owners*

Other capital is formed by supplementing the results of business operations, revaluation of assets and the remaining value between the fair value of donated, presented, and sponsored assets after deducting taxes payable (if any) related to these assets.

*Treasury shares*

When repurchasing the company's shares, the payment including transaction-related costs is recorded as treasury shares and reflected as a deduction in equity. When reissuing, the difference between the reissue price and the book value of treasury shares is recorded in the item "Share premium".

**3.19 PROFIT DISTRIBUTION**

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriations to funds in accordance with the Company's Charter, legal regulations, and approval by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into consideration non-monetary items included in undistributed post-tax profits that may affect cash flows and the Company's ability to pay dividends, such as gains from the revaluation of assets contributed as capital, gains from the revaluation of monetary items, financial instruments, and other non-monetary items.

Dividends are recognized as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders, the official list of contributing shareholders has been finalized, and approval has been granted by the State Securities Commission (SSC).

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.20 REVENUE RECOGNITION**

The Company's revenue includes revenue from selling products, goods and providing services.

Revenue from selling products and goods

Revenue from the sale of goods and finished products is recognized when all five (5) of the following conditions are satisfied simultaneously:

- The Company has transferred substantially all the risks and rewards of ownership of the products or goods to the purchaser;
- The Company no longer holds management right on goods, products as the goods and product owner or control right on goods;
- The revenue can be measured reliably. When contracts define that buyers are entitled to return products, goods purchased under specific conditions, revenue are recognized only when such specific conditions no longer exist and buyers are not entitled to return products, goods (except the case that buyers are entitled to return goods, products in the form of exchange for other goods, services);
- The Company has received or shall receive economic benefits from transactions of selling goods; and
- Costs related to the transaction of selling goods can be determined.

Revenue from providing services

Revenue from service provision transaction is recognized when the outcome of the transaction can be measured reliably. In case the service provision transaction involves many periods, revenue is recognized in the period based on the results of the completed work at the closing date of the financial period. Revenue of a service provision transaction is determined when all four (4) of the following conditions are satisfied:

- The revenue can be measured reliably. When contracts specify that buyers are entitled to return services provided under specific conditions, revenue is recognized only when such specific conditions no longer exist and the buyers are not entitled to return services provided;
- The Company has received or shall receive economic benefits from the service provision transactions;
- The stage of completion of transaction at the end of reporting period can be measured reliably; and
- The costs incurred for transactions and the costs to complete transactions can be measured reliably.

Revenue from operating leases

Revenue from operating leases is recognized on a straight-line basis over the lease term. Rent received in advance for many periods is allocated to revenue in accordance with the rental period.

Financial income

Profits from long-term investments are estimated and the right to receive profits from the Investees is established.

Bank deposit interest is recorded based on the bank's periodic announcements, loan interest is recorded based on time and actual interest rate each period.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.20 REVENUE RECOGNITION (CONT'D)***Dividends and profits are distributed*

Dividends and profits are distributed are recognized when the Company receives the right to dividends or profits from capital contribution. Dividends received in shares are only tracked according to the number of additional shares, the value of shares received is not recorded.

**3.21 TAXES AND OTHER PAYABLES TO THE STATE***Value-added tax (VAT)*

The Company implemented the declaration and calculation of VAT in conformity with guidance of the applicable law

*Corporate income tax*

Corporate income tax (if any) represents the sum of the current tax payable and the deferred tax amount.

Current income tax is the tax amount computed based on taxable income for the period. Taxable income differs from net profit as reported in the Income Statement because it does not include income or expenses that are taxable or deductible in other years (including loss carryforwards, if any) and does not include non-taxable or non-deductible items.

Corporate income tax is calculated at the effective tax rate at the end of the accounting year, which is 20% of taxable income.

Deferred income tax is calculated on the differences between the carrying value of assets or liabilities on the Balance Sheet and the income tax base. Deferred income taxes are accounted for using the Balance Sheet method. Deferred tax liabilities must be recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized only when it is probable that there will be sufficient future taxable profit to offset the difference between the book value and the income tax base of assets or liabilities in the consolidated financial statements.

Deferred income tax is determined at the tax rate expected to apply in the year the asset is realized or the liability is settled. Deferred income tax is recognized in profit and loss unless the tax is related to items recorded directly in equity. In that case, deferred tax is also recorded directly in equity.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when the Company has a legally enforceable right to offset current tax assets against current tax liabilities and when the deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income tax administered by the same tax authority and the Company intends to pay the applicable income tax on net basis.

The determination of The Company's income tax is based on current tax regulations. However, these regulations change from time to time and the final determination of corporate income tax depends on the examination results of the competent tax authorities.

*Other taxes*

Other taxes and fees, enterprises shall declare and pay to local tax authorities according to current tax law in Vietnam.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONT'D)****3.22 RELATED PARTIES**

A party is considered to be related to the Company if it has the ability to control the Company or exercise significant influence over the Company in making financial and operating decisions. Related parties include:

- Entities that have control over, are controlled directly or indirectly through one or more intermediaries, or are under common control with the Company, including the parent company, subsidiaries within the Group, joint ventures, jointly controlled operations, and associates.
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power in reported enterprises that have a significant influence on the Company, key management personnel having the power and responsibility for making plans, managing and controlling the Company's activities including the close family members of these individuals.
- Entities in which any of the individuals referred to above directly or indirectly hold voting power, or over which such individuals can exert significant influence.

In considering each related party relationship, the substance of the relationship is taken into account rather than merely the legal form. Accordingly, the transactions and balances with related parties for the financial year ended 31 December 2024 are disclosed in the following notes:

**4. CASH AND CASH EQUIVALENTS**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cash on hand	2,048,759,214	2,274,301,529
- Cash at banks	185,080,790,067	75,922,485,015
- Cash equivalents (*)	139,500,000,000	108,000,000,000
<b>Total</b>	<b>326,629,549,281</b>	<b>186,196,786,544</b>

(\*) Term deposits with maturities of less than 3 months, bearing interest rates ranging from 3.4% per annum to 4.75% per annum.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**5. FINANCIAL INVESTMENTS**

**5.1 HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost VND	Book value VND	Historical cost VND	Book value VND
<b>Short-term</b>				
- Term deposits	114,890,000,000	114,890,000,000	104,040,262,487	104,040,262,487
+ Saigon Hanoi Commercial Joint Stock Bank	114,890,000,000	114,890,000,000	104,040,262,487	104,040,262,487
+ Joint stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam	43,590,000,000	43,590,000,000	84,730,000,000	84,730,000,000
	-	-	9,310,262,487	9,310,262,487
+ Military Commercial Joint Stock Bank - Thang Long branch	67,000,000,000	67,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
+ Nam A Commercial Joint Stock Bank - Hanoi branch	4,300,000,000	4,300,000,000	-	-
<b>Long-term</b>				
<b>Total</b>	<b>114,890,000,000</b>	<b>114,890,000,000</b>	<b>104,040,262,487</b>	<b>104,040,262,487</b>

Term deposits ranging from 6 to 12 months with interest rates from 4.7% per annum to 5.2% per annum.

**5.2 EQUITY INVESTMENTS IN ASSOCIATES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Historical cost VND	Profit/Loss Split in Associate Companies VND	Historical cost VND	Profit/Loss Split in Associate Companies the equity method VND
+ Bac Kan New Material Technology Joint Stock Company	17,360,740,000	(11,521,103,314)	5,839,636,686	(11,521,107,722)
+ VFT Technology Joint Stock Company	20,535,913,966	10,571,917,770	31,107,831,736	10,571,917,770
<b>Total</b>	<b>37,896,653,966</b>	<b>(949,185,544)</b>	<b>37,896,653,966</b>	<b>(949,189,952)</b>
				<b>36,947,464,014</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**5. FINANCIAL INVESTMENTS (CONT'D)**

**5.3 EQUITY INVESTMENTS IN OTHER ENTITIES**

	31/12/2024				01/01/2024			
	Historical cost VND	Provision VND	Fair Value VND	Historical cost VND	Historical cost VND	Provision VND	Fair Value VND	Fair Value VND
<b>Investment in other entities</b>	<b>77,073,000,000</b>	<b>(5,276,955,655)</b>	<b>(*)</b>	<b>89,349,133,000</b>	<b>(5,457,134,639)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
+ Green Indochina Development Joint Stock Company	28,590,000,000	(2,059,044,831)	(*)	28,590,000,000	(2,046,855,088)	(*)	(*)	(*)
+ Telecommunications System Consulting Joint	-	-	(*)	6,000,000,000	-	(*)	(*)	(*)
+ Petrolinex Informatics and Telecommunications Joint Stock Company	115,000,000	-	(*)	115,000,000	-	(*)	(*)	(*)
+ Thang Long Xanh Investment & Development Joint Stock Company	360,000,000	(360,000,000)	(*)	360,000,000	(360,000,000)	(*)	(*)	(*)
+ Trung Van Joint Stock Company	26,985,200,000	(912,247,568)	(*)	26,985,200,000	(912,247,568)	(*)	(*)	(*)
+ Alani Holdings Joint Stock Company	-	-	(*)	14,734,933,000	(1,253,577,453)	(*)	(*)	(*)
+ ISK Joint Stock Company	4,674,000,000	(1,555,663,256)	(*)	4,674,000,000	(787,463,620)	(*)	(*)	(*)
+ Smart Energy Management Joint Stock Company	8,458,800,000	-	(*)	-	-	(*)	(*)	(*)
+ Luckybest Vietnam Company Limited	390,000,000	(390,000,000)	(*)	390,000,000	(96,990,910)	(*)	(*)	(*)
+ Viettronics Vinh Phuc Joint Stock Company	7,500,000,000	-	(*)	7,500,000,000	-	(*)	(*)	(*)
<b>Total</b>	<b>77,073,000,000</b>	<b>(5,276,955,655)</b>	<b>(*)</b>	<b>89,349,133,000</b>	<b>(5,457,134,639)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>

(\*) Notes: As of 31 December 2024, the Company has not determined the fair value of these capital investments to explain in the consolidated financial statements because Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System currently do not provide guidance on fair value measurement using valuation techniques. The fair value of these investments may differ from their carrying amounts.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**6. TRADE RECEIVABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
<b>a) Short-term</b>	<b>627,626,911,601</b>	<b>(80,416,455,991)</b>	<b>773,365,334,735</b>	<b>(64,567,812,796)</b>
- Viettel Military Industry and Telecoms Group	128,481,424,163	(17,846,327,583)	165,889,012,218	(17,846,327,583)
- VETC Automatic Toll Collection Company Limited (*)	44,632,715,176	-	53,632,715,176	-
- INTERLABS Pte.Ltd	96,178,000,000	-	-	-
- N.D.C Joint Stock Company	-	-	56,223,631,956	-
- Nam Phat Steel Trading and Services Joint Stock Company	-	-	158,229,185,514	-
- Phu Hung Long Production - Trading - Services Company	-	-	40,002,822,644	-
- Others	358,334,772,262	(62,570,128,408)	299,387,967,227	(46,721,485,213)
<b>b) Long-term</b>	-	-	-	-
<b>Total</b>	<b>627,626,911,601</b>	<b>(80,416,455,991)</b>	<b>773,365,334,735</b>	<b>(64,567,812,796)</b>

**b) Trade receivables from related parties: Details are presented in Note 39.1**

(\*) As of 31 December 2024, the receivable from VETC Automatic Toll Collection Co., Ltd. amounting to VND 44,632,715,176 was overdue. However, this overdue debt has been settled under the Agreement on Settlement of the Parties as recognized in Decision No. 83/2023/QDST-KDITM dated 19 September 2023, and both parties have committed to a payment schedule from October 2023 to September 2026. As of the date of preparation of these financial statements, VETC Automatic Toll Collection Co., Ltd. is still making payments in accordance with the agreed schedule.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

FROM NO. B09-DN/HN

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)

**7. PREPAYMENT TO SUPPLIERS**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
a) Short-term	26,472,717,399	-	24,936,143,053	-
- Oscilloquartz S.A	4,734,742,962	-	-	-
- DELTATECH Technical Services Joint Stock Company	40,872,250	-	2,540,872,250	-
- Others	21,697,102,187	-	22,395,270,803	-
b) Long-term	13,000,000,000	-	13,000,000,000	-
- Mrs. Nguyen Thi Le Thuy (1)	5,980,000,000	-	5,980,000,000	-
- Mr. Ngo Ngoc Ha (1)	2,990,000,000	-	2,990,000,000	-
- Mr. Tran Hung Giang (1)	4,030,000,000	-	4,030,000,000	-
<b>Total</b>	<b>39,472,717,399</b>	<b>-</b>	<b>37,936,143,053</b>	<b>-</b>

**c) Prepayment to suppliers with related parties: Details are presented in Note 39.1**

(1) This is an advance payment to individuals who are the landowners of lots under the "Project for the Construction of a Service Area, Product Showroom, and Supermarket in Phuc Dien Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi City." According to the Cooperation Agreement Minutes No. 311222/BBTT-ELCOM dated 31 December 2022, the parties agreed to continue their cooperation from 31 December 2022, to 31 December 2028. After this period, if the project is not implemented for any reason, the parties will mutually agree on a plan to convert the project's purpose in the spirit of cooperation. If no alternative plan is agreed upon, the aforementioned individuals must unconditionally refund the advance payment in accordance with the Investment Cooperation Agreement dated 25 October 2008.

On 9 January 2024, ELCOM Technology Communications Corporation issued Document No. 16/TTt proposing that the People's Committee of Hanoi City consider and approve the proposal for research and implementation of investment under the method of mutual agreement and transfer of land use rights for the "Project for the Construction of a Service Area, Product Showroom, and Supermarket in Phuc Dien Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi City." The project is proposed to be implemented through direct investment, utilizing 100% domestic capital, including the Company's capital and other legally mobilized funds, by means of receiving land use right transfers and capital contributions in the form of land use rights.

On 12 January 2024, the Office of Hanoi City People's Committee issued document No. 533/VP-TNMT to the Department of Natural Resources and Environment, according to which the Chairman of Hanoi City People's Committee - Head of the Special Delegation of the City People's Committee has directed the Department of Natural Resources and Environment to inspect and guide Elcom Technology Communications Corporation to comply with regulations. At the time of preparing these statements, the Company's recommendations are still being considered.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**8. LOAN RECEIVABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
<b>a) Short-term</b>	<b>28,862,800,000</b>	-	<b>6,000,000,000</b>	-
- Tan Phat Joint Stock Company (1)	6,000,000,000	-	6,000,000,000	-
- Dai Cat Trading and Engineering Joint Stock Company (2)	5,862,800,000	-	-	-
- Mr. Tran Phuong Dong (3)	17,000,000,000	-	-	-
<b>b) Long-term</b>	-	-	<b>2,900,000,000</b>	-
- Personal loans	-	-	2,900,000,000	-
<b>Total</b>	<b>28,862,800,000</b>	-	<b>8,900,000,000</b>	-

(1) Receivable under the Loan Agreement No. 01/2022/VAYVON dated 10 June 2022, between ELCOM Technology Communications Corporation and Tan Phat Joint Stock Company. The maximum loan term was two years, and an amendment (Appendix No. 01) dated 10 June 2024, extended the loan period from 11 June 2024, to 31 December 2024. The loan carried a fixed interest rate of 5.5% per annum. The loan has no collateral. As of 14 January 2025, the Company had received full repayment of both principal and interest on this loan.

(2) Receivables under Loan Agreement No. 01/2024/ELC-DAICAT dated 10 September 2024, between ELCOM Technology Communications Corporation and Dai Cat Technical Trading Joint Stock Company. The principal loan amount is VND 20,000,000,000, with the purpose of supplementing the working capital for the production and business activities of Dai Cat Technical Trading Joint Stock Company. The loan term is 09 months from the date of the first disbursement, with a fixed interest rate of 5% per annum. The loan is unsecured. As of 31 December 2024, the outstanding loan balance is VND 5,862,800,000.

(3) Receivable under Loan Agreement No. 0110/2024/ELC-TPD dated 1 October 2024, between ELCOM Technology Communications Corporation and Mr. Tran Phuong Dong. The loan amount is VND 17,000,000,000. The loan term is from the date of the first disbursement until 30 April 2025, with a fixed interest rate of 5.5% per annum. The loan has no collateral.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**9. OTHER RECEIVABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
<b>a) Short-term</b>	65,594,394,259	(6,298,345,048)	75,979,576,065	(6,298,345,048)
- Advances to employees	9,566,258,441	-	11,423,434,170	-
- Deposits	35,196,796,647	-	28,799,450,631	-
- Interest on loans and bank deposits	4,635,853,615	-	5,061,823,555	-
- Other receivables	16,195,485,556	(6,298,345,048)	30,694,867,709	(6,298,345,048)
+ <i>Mr. Lai Huu Thanh</i>	-	-	9,500,000,000	-
+ <i>Mr. Ha Quoc Vuong (1)</i>	6,943,400,000	-	8,826,000,000	-
+ <i>Nguyen Phuong Hai (Citizen identification No. 011486928 dated 11 August 2009)</i>	1,005,750,000	(1,005,750,000)	1,005,750,000	(1,005,750,000)
+ <i>Bac Kan New Materials Industry Joint Stock Company</i>	3,539,885,279	(3,539,885,279)	3,539,885,279	(3,539,885,279)
+ <i>New Material Industry JSC (ELCOM Industry)</i>	1,716,209,769	(1,716,209,769)	1,716,209,769	(1,716,209,769)
+ <i>Bac Ha Trading Investment Joint Stock Company</i>	-	-	4,000,000,000	-
+ <i>Others</i>	2,990,240,508	(36,500,000)	2,107,022,661	(36,500,000)
<b>b) Long-term</b>	49,785,789,957	-	47,214,765,957	-
- MBH Investment and Development Joint Stock Company (2)	25,000,000,000	-	-	-
- Tran Phu Project - Thaug Long Green Investment & Development Joint Stock Company (3)	13,276,500,000	-	37,771,500,000	-
- Thanh Tri Real Estate Investment Joint Stock Company (4)	5,862,765,957	-	5,862,765,957	-
- Tam My An Pharmaceutical Company Limited (5)	3,528,000,000	-	3,528,000,000	-
- Others	2,118,524,000	-	52,500,000	-
<b>Total</b>	<b>115,380,184,216</b>	<b>(6,298,345,048)</b>	<b>123,194,342,022</b>	<b>(6,298,345,048)</b>

**c) Other receivables from stakeholders: Details are presented in Note 31.1**

(1) As a receivable arising from the divestment of ISK Joint Stock Company.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**9. OTHER RECEIVABLES (CONT'D)**

(2) The capital contribution under the Framework Investment Contribution Agreement No. 0404/2024/HD dated 4 April 2024 between Vietnam Computer and Communications Joint Stock Company and MBH Investment and Development Joint Stock Company, the parties have contributed capital for the joint implementation of the "Tay Ho Tay Urban Center" project.

(3) This is a capital contribution for investment cooperation in the implementation of the "Mixed-Use Residential and Resettlement Housing Project on Land Lot C13/DD2 (now Land Lot H1/ODK2)" located in Tran Phu Ward, Hoang Mai District, Hanoi City, under Investment Cooperation Agreement No. 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX dated 20 June 2011, signed with Thang Long Xanh Investment and Development Joint Stock Company. According to the Memorandum of Understanding No. 301222/BBTT/ELCOM-TLX dated December 30, 2022, between ELCOM Technology Communications Corporation and Thang Long Xanh Investment and Development Joint Stock Company, the investment cooperation period has been extended from 31 December 2022 to 31 December 2028.

On 12 December 2024, ELCOM Technology Communications Corporation and Thang Long Xanh Investment and Development Joint Stock Company signed the Minutes of Liquidation of the Investment Cooperation Agreement. As of 31 December 2024, Thang Long Xanh Investment and Development Joint Stock Company had repaid VND 24,495,000,000 and committed to repaying the remaining balance no later than June 2025.

(4) This is an investment cooperation under Agreement No. 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANHJIET dated 11 December 2014, between ELCOM Technology Communications Corporation and Thanh Tri Real Estate Investment Joint Stock Company for the implementation of the "Complex Project of Offices, Apartment Buildings, Villas, Commercial Services, Public Green Spaces, and Other Functional Areas in Thanh Liet Commune, Thanh Tri District, Hanoi City".

According to Resolution No. 01-12/2022/BB-HDQT of the Board of Directors of ELCOM Technology Communications Corporation dated 21 December 2022, the Board of Directors approved the divestment of 100% of the Company's capital contribution in the "Complex Project of Offices, Apartment Buildings, Villas, Commercial Services, Public Green Spaces, and Other Functional Areas in Thanh Liet Commune, Thanh Tri District, Hanoi City," jointly invested by ELCOM Technology Communications Corporation and Thanh Tri Real Estate Investment Joint Stock Company.

(5) The capital contribution to the "Research and Commercialization of Next-Generation Biotechnological Products for Human Applications" Project remains in the research and development phase.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Yong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**10. BAD DEBTS**

	31/12/2024		01/01/2024			
	Historical cost VND	Recoverable value VND	Provision VND	Historical cost VND	Recoverable value VND	Provision VND
<b>Overdue receivables</b>						
- N.G Vietnam Seafood JSC	12,943,377,077	-	(12,943,377,077)	12,943,377,077	-	(12,943,377,077)
- Network Infrastructure Corporation (VNPT-Net)	15,534,200,000	-	(15,534,200,000)	15,534,200,000	-	(15,534,200,000)
- Viettel Military Industry and Telecoms Group - HD02/2012: PCRF bandwidth management equipment system	17,846,327,583	-	(17,846,327,583)	17,846,327,583	-	(17,846,327,583)
- Others	46,455,240,608	4,754,670,313	(40,390,896,379)	29,027,452,205	4,485,199,021	(24,542,253,184)
<b>Total</b>	<b>92,779,145,268</b>	<b>4,754,670,313</b>	<b>(86,714,801,039)</b>	<b>75,351,356,865</b>	<b>4,485,199,021</b>	<b>(70,866,157,844)</b>

**11. INVENTORIES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
- Goods in transit	83,237,779	-	-	-
- Tools and supplies	2,532,000	-	2,532,000	-
- Production and business cost in progress	50,082,816,293	-	37,787,694,033	-
- Finished gold	9,194,864,671	-	11,945,865,870	-
- Merchandise	18,177,991,603	-	59,095,883,389	-
<b>Total</b>	<b>77,541,442,346</b>	-	<b>108,831,975,292</b>	-

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***12. LONG – TERM ASSETS IN PROGRESS**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Long-term construction in progress</b>	<b>216,211,864,296</b>	<b>1,568,938,941</b>
- Purchase fixed assets	40,000,000	-
- Phuc Dien Project (1)	246,601,885	246,601,885
- Tay Ho Project (2)	213,671,669,900	-
- Other projects	2,253,592,511	1,322,337,056
<b>Total</b>	<b>216,211,864,296</b>	<b>1,568,938,941</b>

(1) These are costs related to the preparation for the implementation of the project for the construction of a building comprising office space for lease, a supermarket, and residential apartments for sale located in Kieu Mai Hamlet, Phu Dien Commune, Tu Liem District, Hanoi City. The project is scheduled for implementation until 31 December 2028.

(2) This is an investment project for the construction of the Tay Ho Tay Office, Service, Commercial Centre, and Cultural Complex.

- **Objective:** To invest in, construct, manage, and operate an Office, Service, Commercial Centre, and Cultural Complex located on land lot H1CC1.
- **Project scale:** The total land area is 7,561 m<sup>2</sup>; construction density is approximately 40%; building footprint is around 3,024 m<sup>2</sup>; the building consists of 3 to 17 above-ground floors and 2 basement levels; the floor area ratio (FAR) is approximately 4.80 times in accordance with Decision No. 5581/QĐ-UBND dated 13 September 2013 issued by the People's Committee of Hanoi City, approving the overall adjustment of the detailed master plan for the central area of Tay Ho Tay Urban Area at a 1/500 scale; Official Letter No. 2490/QHKT-P1 dated 22 May 2020 issued by the Department of Planning and Architecture; and Official Letter No. 2160/UBND-ĐT dated 3 June 2020 issued by the Hanoi City People's Committee regarding the zoning of land lot H1CC1.

**13. PREPAID EXPENSES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>	<b>308,592,841</b>	<b>328,864,512</b>
- Tools and supplies	9,249,162	-
- Insurance costs, warehouse rental costs and other costs	299,343,679	328,864,512
<b>b) Long-term</b>	<b>309,032,571,278</b>	<b>322,918,698,433</b>
- Tools and supplies	2,635,528,116	5,162,695,336
- Goodwill	305,073,314,208	315,653,891,579
- Others	1,323,728,954	2,102,111,518
<b>Total</b>	<b>309,341,164,119</b>	<b>323,247,562,945</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Yong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**14. TANGIBLE FIXED ASSETS**

**HISTORICAL COST**

	<b>Buildings and structures</b>	<b>Machineries and equipments</b>	<b>Means of transportation</b>	<b>Office equipments</b>	<b>Others</b>	<b>Total</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>57,259,019,545</b>	<b>62,287,369,586</b>	<b>17,431,003,704</b>	<b>29,068,514,289</b>	<b>3,546,643,382</b>	<b>169,592,550,506</b>
- Reclassification	300,000,000	(2,555,265,170)	1,408,103,913	808,354,562	38,806,695	-
- Purchase during the year	-	-	4,470,829,818	143,027,530	-	4,613,857,348
- Other increases	-	8,507,773,215	-	11,584,417,141	-	20,092,190,356
- Disposals	-	(65,361,292,620)	(2,035,820,000)	(138,780,000)	-	(67,535,892,620)
<b>31/12/2024</b>	<b>57,559,019,545</b>	<b>2,878,585,011</b>	<b>21,274,117,435</b>	<b>41,465,533,522</b>	<b>3,585,450,077</b>	<b>126,762,705,590</b>

**ACCUMULATED DEPRECIATION**

<b>01/01/2024</b>	<b>(6,491,475,391)</b>	<b>(60,680,669,584)</b>	<b>(6,566,083,497)</b>	<b>(13,723,337,664)</b>	<b>(2,650,258,280)</b>	<b>(90,111,824,416)</b>
- Reclassification	-	1,629,079,442	(1,473,527,433)	(159,122,157)	3,570,148	-
- Charge for the year	(2,250,036,840)	(25,569,456)	(2,832,180,964)	(4,622,711,631)	(296,451,144)	(10,026,950,035)
- Other increases	-	(9,096,663,613)	-	-	-	(9,096,663,613)
- Disposals	-	65,361,292,620	882,345,434	34,695,000	-	66,278,333,054
<b>31/12/2024</b>	<b>(8,741,512,231)</b>	<b>(2,812,530,591)</b>	<b>(9,989,446,460)</b>	<b>(18,470,476,452)</b>	<b>(2,943,139,276)</b>	<b>(42,957,105,010)</b>

**NET CARRYING AMOUNT**

<b>01/01/2024</b>	<b>50,767,544,154</b>	<b>1,606,700,002</b>	<b>10,864,920,207</b>	<b>15,345,176,625</b>	<b>896,385,102</b>	<b>79,480,726,090</b>
<b>31/12/2024</b>	<b>48,817,507,314</b>	<b>66,054,420</b>	<b>11,284,670,975</b>	<b>22,995,057,070</b>	<b>642,310,801</b>	<b>83,805,600,580</b>

The historical cost of tangible fixed assets that have been fully depreciation but are still in use as at 31 December 2024 is VND 17,898,050,006 (VND 85,304,401,936 as at 01 January 2024).

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***15. INTANGIBLE FIXED ASSETS**

	Computer softwares <u>VND</u>	Others <u>VND</u>	Total <u>VND</u>
<b>COST</b>			
<b>01/01/2024</b>	16,121,514,456	744,439,881	16,865,954,337
- Purchase during the year	365,777,778	-	365,777,778
- Other increases	7,380,702,819	-	
- Disposals	(4,480,000,000)	-	(4,480,000,000)
<b>31/12/2024</b>	<u>19,387,995,053</u>	<u>744,439,881</u>	<u>20,132,434,934</u>
<b>ACCUMULATED DEPRECIATION</b>			
<b>01/01/2024</b>	(6,337,960,484)	(48,061,178)	(6,386,021,662)
- Charge for the year	(1,938,221,338)	(70,140,000)	(2,008,361,338)
- Disposal	4,480,000,000	-	4,480,000,000
<b>31/12/2024</b>	<u>(3,796,181,822)</u>	<u>(118,201,178)</u>	<u>(3,914,383,000)</u>
<b>NET CARRYING AMOUNT</b>			
<b>01/01/2024</b>	<u>9,783,553,972</u>	<u>696,378,703</u>	<u>10,479,932,675</u>
<b>31/12/2024</b>	<u>15,591,813,231</u>	<u>626,238,703</u>	<u>16,218,051,934</u>

The historical cost of intangible fixed assets that have been fully amortization but are still in use as at 31 December 2024 is VND 4,864,499,881 (VND 9,344,499,881 as at 01 January 2024).

**16. INVESTMENT PROPERTIES**

	Building and structures <u>VND</u>	Total <u>VND</u>
<b>HISTORICAL COST</b>		
<b>01/01/2024</b>	18,171,592,354	18,171,592,354
<b>31/12/2024</b>	<u>18,171,592,354</u>	<u>18,171,592,354</u>
<b>ACCUMULATED DEPRECIATION</b>		
<b>01/01/2024</b>	(9,750,949,592)	(9,750,949,592)
- Depreciation for the year	(457,098,720)	(457,098,720)
<b>31/12/2024</b>	<u>(10,208,048,312)</u>	<u>(10,208,048,312)</u>
<b>NET CARRYING AMOUNT</b>		
<b>01/01/2024</b>	<u>8,420,642,762</u>	<u>8,420,642,762</u>
<b>31/12/2024</b>	<u>7,963,544,042</u>	<u>7,963,544,042</u>

The net book value of investment property pledged or mortgaged as security for loans as at 31 December 2024 was VND 3,129,237,304 (as at 1 January 2024: VND 3,129,237,304).

Fair value of investment property: In accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 05 – Investment Property, the fair value of investment properties as of 31 December 2024, is required to be disclosed. However, the Company has not yet determined this fair value; therefore, it has not been presented in the Notes to the Financial Statements as of 31 December 2024.

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***17. TRADE PAYABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Amount that can be settled VND	Balance VND	Amount that can be settled VND
<b>a) Short-term</b>				
- THT Development Company Limited	443,447,980,646	443,447,980,646	474,894,502,331	474,894,502,331
- Ciena Communications Inc	191,343,202,600	191,343,202,600	-	-
- Hudson Capital Holding Limited	74,309,721,621	74,309,721,621	180,456,183,108	180,456,183,108
- TWS International Trading Pte Ltd	86,043,707,928	86,043,707,928	-	-
- 568 Steel Structure Company Limited	36,313,081,200	36,313,081,200	34,734,128,000	34,734,128,000
- Ky Nam Steel Joint Stock Company	-	-	70,238,790,846	70,238,790,846
- BST Company Limited	-	-	32,988,973,233	32,988,973,233
- Others	55,438,267,297	55,438,267,297	33,198,509,703	33,198,509,703
<b>b) Long-term</b>				
-	-	-	123,277,917,441	123,277,917,441
<b>Total</b>	<b>443,447,980,646</b>	<b>443,447,980,646</b>	<b>474,894,502,331</b>	<b>474,894,502,331</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**18. ADVANCES FROM CUSTOMERS**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance VND	Amount that can be settled VND	Balance VND	Amount that can be settled VND
<b>a) Short-term</b>	<b>117,645,831,417</b>	<b>117,645,831,417</b>	<b>20,148,249,408</b>	<b>20,148,249,408</b>
- Phu Tho Provincial Police	94,910,588,180	94,910,588,180	-	-
- Management Board of Transport Construction Investment Projects of Yen Bai province	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
- Construction Investment Project Management Board of Ha Nam province	3,689,319,000	3,689,319,000	3,689,319,000	3,689,319,000
- Vietnam Construction and Import Export Joint Stock Company	2,600,000,000	2,600,000,000	2,600,000,000	2,600,000,000
- Mopha Joint Stock Company	2,320,725,000	2,320,725,000	2,320,725,000	2,320,725,000
- Others	8,125,199,237	8,125,199,237	5,538,205,408	5,538,205,408
<b>b) Long-term</b>	-	-	-	-
<b>Total</b>	<b>117,645,831,417</b>	<b>117,645,831,417</b>	<b>20,148,249,408</b>	<b>20,148,249,408</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**19. TAX AND OTHER PAYABLE TO THE STATE**

	01/01/2024	Payables for the year	Payment paid for the year	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Taxes and other payables to the State</b>				
- Value add tax payable	9,422,116,135	13,039,363,556	14,394,024,528	8,067,455,163
- Value added tax on imported goods	-	15,265,198,765	15,265,198,765	-
- Import and export tax	-	2,670,155,700	2,670,155,700	-
- Corporate income tax	7,191,773,851	17,803,182,606	7,405,404,492	17,589,551,965
- Personal income tax	403,319,608	3,919,400,134	3,693,593,230	629,126,512
- Land tax and land rent	-	5,833,408,339	5,833,408,339	-
- Foreign contractor tax	1,240,449,946	4,395,544,785	4,098,669,836	1,537,324,895
- Fees, charges and other payables	113,060,597	68,836,921	68,836,921	113,060,597
<b>Total</b>	<b>18,370,720,137</b>	<b>62,995,090,806</b>	<b>53,429,291,811</b>	<b>27,936,519,132</b>
	<b>01/01/2024</b>	<b>Payables for the year</b>	<b>Payment paid for the year</b>	<b>31/12/2024</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Taxes and other receivables from the State</b>				
- Corporate income tax	-	-	169,187	169,187
- Land tax, land rental	777,778,486	780,484,502	2,706,016	-
<b>Total</b>	<b>777,778,486</b>	<b>780,484,502</b>	<b>2,875,203</b>	<b>169,187</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Yong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**  
Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**20. BORROWING AND FINANCIAL LEASE LIABILITIES**

Content	31/12/2024		During the year		01/01/2024	
	Balance	Amount that can be settled	Increase	Decrease	Balance	Amount that can be settled
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Short-term</b>	<b>36,072,675,525</b>	<b>36,072,675,525</b>	<b>184,296,678,442</b>	<b>190,680,039,432</b>	<b>42,456,036,515</b>	<b>42,456,036,515</b>
- Military Commercial Joint Stock Bank - Thang Long Branch (1)	33,467,050,965	33,467,050,965	160,111,955,521	169,100,941,071	42,456,036,515	42,456,036,515
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	2,605,624,560	2,605,624,560	24,184,722,921	21,579,098,361	-	-
<b>Long-term</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Total</b>	<b>36,072,675,525</b>	<b>36,072,675,525</b>	<b>184,296,678,442</b>	<b>190,680,039,432</b>	<b>42,456,036,515</b>	<b>42,456,036,515</b>

(1) Loan Agreement No. 223187.24.054.27172.TD dated 28 June 2024, between Military Commercial Joint Stock Bank - Thang Long Branch and ELCOM Technology Communications Corporation. The total credit facility is VND 600,000,000,000, comprising:

Loan limit: VND 200,000,000,000;

Payment guarantee limit: VND 50,000,000,000;

Other guarantee limits (excluding payment guarantees): VND 400,000,000,000;

Letter of Credit (L/C) guarantee limit: VND 100,000,000,000.

The credit facility is maintained from the date of signing the agreement until 15 June 2025.

Purpose of the credit facility: To provide financing for the supply of equipment, software, and related services in the fields of telecommunications, information technology, national defense and security, transportation, high-tech agriculture, and agricultural product trading activities of the customer. Interest rate, interest calculation method, principles and factors for determining interest rates, timing of interest rate determination in the case of adjustable interest rates; interest rates applied to overdue principal; and interest rates applied to late payment interest are specified in detail for each disbursement, debt receipt, and general agreement.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***20. BORROWING AND FINANCIAL LEASE LIABILITIES (CONT'D)**

(2) Loan Agreement No. 01/24/4247448/HĐTD dated 30 January 2024, between the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Ha Thanh Branch and ELCOM Technology Communications Corporation.

The regular credit facility limit (including short-term loans, guarantees, and issuance of Letters of Credit) is VND 60,000,000,000.

The credit facility is maintained from the date of signing the agreement until 29 January 2025.

Purpose of the credit facility: To supplement working capital, issue guarantees, and open Letters of Credit (L/C) to support the Company's business operations.

Interest rates, interest calculation methods, principles and factors for determining interest rates, timing of interest rate adjustments (in case of adjustable interest rates); interest rates applicable to overdue principal; and interest rates applicable to late payment interest are specified in detail for each disbursement, debt receipt, and general agreement.

**21. ACCRUED EXPENSES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Short-term</b>	<b>5,862,619,033</b>	<b>714,862,703</b>
- Advance of project implementation costs	5,808,860,817	527,345,703
- Other accruals	53,758,216	187,517,000
<b>Total</b>	<b>5,862,619,033</b>	<b>714,862,703</b>

**22. UNEARNED REVENUE**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Short-term</b>	<b>1,669,579,388</b>	<b>6,033,264,089</b>
- Unearned revenue from office renting	449,427,172	1,903,215,662
- Others	1,220,152,216	4,130,048,427
<b>Total</b>	<b>1,669,579,388</b>	<b>6,033,264,089</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***23. OTHER PAYABLES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>	<b>4,350,534,501</b>	<b>4,840,328,424</b>
- Trade Union fee	2,067,637,814	2,094,611,979
- Dividend payables	740,717,528	730,339,858
- Short-term mortgages, deposits received	823,764,713	823,764,713
- Others	718,414,446	1,191,611,874
<b>b) Long-term</b>	<b>7,579,247,973</b>	<b>9,881,829,700</b>
- Long-term mortgages, deposits received	648,727,973	2,951,309,700
- Payable for business cooperation (*)	6,930,520,000	6,930,520,000
<b>Total</b>	<b>11,929,782,474</b>	<b>14,722,158,124</b>

(\*) This is a capital contribution received from Dong Do Network Technology Joint Stock Company under Business Cooperation Contract No. 01/2021/HD/ELCOM-DONGDO dated March 24, 2021, with a total amount of VND 6,930,520,000. The purpose of this investment cooperation is to acquire the capital contribution of VFT Technology Joint Stock Company.

**24. PROVISION FOR PAYABLES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>	<b>1,635,651,757</b>	<b>2,295,434,584</b>
- Provision for product warranty	1,635,651,757	2,295,434,584
<b>b) Long-term</b>	<b>18,381,535,268</b>	<b>7,932,484,993</b>
- Provision for product warranty	18,381,535,268	7,932,484,993
<b>Total</b>	<b>20,017,187,025</b>	<b>10,227,919,577</b>

**25. DEFERRED INCOME TAX ASSETS AND DEFERRED INCOME TAX LIABILITIES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Deferred income tax payable</b>		
- Corporate income tax rate used to determine the value of deferred income tax payable	20%	20%
- Deferred income tax liabilities arising from taxable temporary differences	64,483,485,315	66,565,854,600
- <b>Deferred income tax payable</b>	<b>64,483,485,315</b>	<b>66,565,854,600</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

FROM NO. B09-DN/HN

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC

dated 22 December of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**26. OWNERS' EQUITY**

**26.1 CHANGES IN OWNERS' EQUITY**

Items	Share capital	Share Premium	Development Investment Fund	Other owners' capital	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>587,788,430,000</b>	<b>85,409,783,716</b>	<b>41,410,255,576</b>	<b>5,200,000,000</b>	<b>166,376,331,752</b>	<b>25,254,244,781</b>	<b>911,439,045,825</b>
- Capital increase in the previous year	235,112,340,000	(85,409,783,716)	(31,000,000,000)	-	(118,702,556,284)	-	-
- Profit in the previous year	-	-	-	-	77,651,944,753	1,500,000,000	79,151,944,753
- Other increases	-	-	-	-	-	6,668,891,299	6,668,891,299
- Profit distribution + Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(2,200,000,000)	(1,646,504,504)	(3,846,504,504)
+ Dividends distribution	-	-	-	-	(2,200,000,000)	(100,000,000)	(2,300,000,000)
- Adjustments when divesting subsidiaries	-	-	-	-	290,455,637	(7,281,597,395)	(6,991,141,758)
- Adjustments due to additional investment in subsidiaries	-	-	-	-	(22,746,000)	167,473,525,118	167,450,779,118
- Other adjustments	-	-	-	-	(788)	(1,716,079,860)	(1,716,080,648)
<b>31/12/2023</b>	<b>822,900,770,000</b>	<b>-</b>	<b>10,410,255,576</b>	<b>5,200,000,000</b>	<b>123,393,429,070</b>	<b>190,252,479,439</b>	<b>1,152,156,934,085</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>822,900,770,000</b>	<b>-</b>	<b>10,410,255,576</b>	<b>5,200,000,000</b>	<b>123,393,429,070</b>	<b>190,252,479,439</b>	<b>1,152,156,934,085</b>
- Capital increase in the year (1)	10,000,000,000	-	-	-	-	-	10,000,000,000
- Profit in the year	-	-	-	-	95,447,675,859	3,805,092,303	99,252,768,162
- Profit distribution (2)	-	-	-	-	(3,500,000,000)	(1,016,000,000)	(4,516,000,000)
+ Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(3,500,000,000)	-	(3,500,000,000)
+ Dividends distribution	-	-	-	-	-	(1,016,000,000)	(1,016,000,000)
- Other adjustments	-	-	-	-	39,403,428	-	39,403,428
- Adjustments due to additional investment in subsidiaries	-	-	-	-	(6,750,000,000)	(1,500,000,000)	(8,250,000,000)
<b>31/12/2024</b>	<b>832,900,770,000</b>	<b>-</b>	<b>10,410,255,576</b>	<b>5,200,000,000</b>	<b>208,630,508,357</b>	<b>191,541,571,742</b>	<b>1,248,683,105,675</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***26. OWNERS' EQUITY (CONT'D)****26.1 CHANGES IN OWNERS' EQUITY (CONT'D)**

(1) According to the approval content in the General Meeting of Shareholders Resolution No. 01/2023/NQ-DHDCD dated 26 April 2023, the Board of Management issued Resolution No. 02-01/2024/NQ-HDQT dated 18 January 2024 on the implementation of the issuance of shares under the employee stock option plan. The number of shares to be issued is 1,000,000 shares.

(2) Profit distribution according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated 25 April 2024.

**26.2 DETAILS OF OWNERS' EQUITY**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mr. Phan Chien Thang	65,869,170,000	65,869,170,000
- Mr. Tran Hung Giang	48,113,800,000	48,113,800,000
- Mr. Nguyen Manh Hai	46,986,570,000	47,460,570,000
- Other shareholders	671,931,230,000	661,457,230,000
<b>Total</b>	<b>832,900,770,000</b>	<b>822,900,770,000</b>

**26.3 EQUITY TRANSACTIONS WITH OWNERS AND DISTRIBUTION OF DIVIDENDS**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- <b>Owners' equity</b>		
+ Equity at the beginning of the period	822,900,770,000	587,788,430,000
+ Equity increase in the period	10,000,000,000	235,112,340,000
+ Equity decrease in the period	-	-
+ Equity at the end of the period	832,900,770,000	822,900,770,000
- <b>Dividends, profits distributed</b>	<b>976,000,000</b>	-

**26.4 SHARES**

	31/12/2024	01/01/2024
	Share	Share
Number of shares registered for issuance	83,290,077	82,290,077
Number of shares sold to the public	83,290,077	82,290,077
+ <i>Ordinary shares</i>	83,290,077	82,290,077
Number of shares in circulation	83,290,077	82,290,077
+ <i>Ordinary shares</i>	83,290,077	82,290,077
Par value of shares (VND/share)	10,000	10,000

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***27. OFF BALANCE SHEET ITEMS**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>a) Foreign currencies:</b>		
US Dollar (USD)	100,654.99	51,999
<b>b) Doubtful debts written-off</b>		
Doubtful debts written-off (VND)	18,501,213,727	18,501,213,727

**28. REVENUE FROM SALES OF GOODS AND SERVICES PROVIDED**

	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Revenue</b>	<b>800,145,221,381</b>	<b>980,089,882,652</b>
- Revenue from sales of finished software products	111,486,426,840	70,560,086,005
- Revenue from sales of goods	600,221,298,849	807,021,055,030
- Revenue from services rendered	88,437,495,692	102,508,741,617
<b>Total</b>	<b>800,145,221,381</b>	<b>980,089,882,652</b>
<b>b) Revenue with related parties: Details are presented in Note 39.1</b>		

**29. COST OF GOODS SOLD**

	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Cost of selling finished software products	8,322,497,365	10,485,545,464
- Cost of goods sold	491,811,211,101	733,275,937,883
- Cost of rendering services	55,816,694,285	42,596,473,687
<b>Total</b>	<b>555,950,402,751</b>	<b>786,357,957,034</b>

**30. FINANCIAL INCOMES**

	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Interest income from deposits and loans	8,754,539,347	12,053,171,626
- Gains from disposal of investments	7,139,480,993	2,711,686,927
- Dividends and profit received	1,975,540,000	802,371,125
- Foreign exchange gains arising during the period	4,716,055,659	3,325,393,663
- Foreign exchange difference gain from year-end revaluation	1,797,526,516	-
- Others financial income	-	34,300,972,483
<b>Total</b>	<b>24,383,142,515</b>	<b>53,193,595,824</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***31. FINANCIAL EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Interest expenses	3,038,829,759	3,715,807,784
- Foreign exchange losses arising during the year	10,092,627,907	5,428,839,773
- Foreign exchange losses from year-end revaluation	-	772,479,766
- Provision for investment losses	(102,178,154)	(1,072,072,622)
- Other financial expenses	200,977	199,654
<b>Total</b>	<b>13,029,480,489</b>	<b>8,845,254,355</b>

**32. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
<i>a) General and Administration expenses</i>	<i>88,557,070,474</i>	<i>92,865,234,126</i>
- Administrative staff costs	34,174,062,875	40,617,871,871
- Cost of office supplies	4,781,985,040	4,195,503,654
- Depreciation and amortisation	8,266,935,443	4,937,967,920
- Provision	15,924,773,629	28,757,974,501
- Outsource service expenses	8,667,387,641	8,720,584,545
- Other monetary expenses	16,741,925,846	5,635,331,635
<i>b) Selling expenses</i>	<i>49,078,056,131</i>	<i>46,289,273,562</i>
- Labour costs	29,052,039,063	30,134,837,252
- Depreciation and amortisation	1,158,813,739	1,272,665,727
- Warranty provision costs	10,567,070,850	2,843,229,375
- Outsource service expenses	7,109,023,226	11,271,577,330
- Other monetary expenses	1,191,109,253	766,963,878
<b>Total</b>	<b>137,635,126,605</b>	<b>139,154,507,688</b>

**33. OTHER INCOME**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Gain on disposal of fixed assets	9,850,402	796,521,271
- Project bonus	2,094,404,228	-
- Others	264,719,594	183,741,487
<b>Total</b>	<b>2,368,974,224</b>	<b>980,262,758</b>

**34. OTHER EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Penalty for breach of contract	5,031,985,203	-
- Others	221,448,723	1,226,623,095
<b>Total</b>	<b>5,253,433,926</b>	<b>1,226,623,095</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi**FROM NO. B09-DN/HN**Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22 December of the Ministry of Finance**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***35. OPERATING COST BY FACTOR**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Raw material costs	155,019,032,984	223,685,918,701
- Labor costs	71,364,223,707	73,615,694,090
- Depreciation and amortisation	12,492,410,093	7,422,795,548
- Outsourced services	81,906,527,544	60,871,887,651
- Provision	26,489,448,907	31,601,203,876
- Other monetary expenses	31,825,781,252	27,153,939,655
<b>Total</b>	<b><u>379,097,424,487</u></b>	<b><u>424,351,439,521</u></b>

**36. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
- Elcom Technology Communications Corporation	17,607,694,229	8,299,359,089
- Datanova Vietnam Joint Stock Company	30,116,549	47,681,437
- Elcom Prime Joint Stock Company	73,193,129	777,098,786
- Hanoi Trading Group Joint Stock Company	92,178,698	109,098,659
- VTS Hai Phong Company Limited	-	201,543,966
- Vietnam Computer and Communications Joint Stock Company	-	-
<b>Total</b>	<b><u>17,803,182,605</u></b>	<b><u>9,434,781,937</u></b>

**37. BASIC EARNING PER SHARE**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Profit or loss attributable to ordinary shareholders (VND)	95,447,675,859	77,651,944,753
Appropriation to bonus and welfare funds (1)	-	(3,500,000,000)
<b>Basic earning per share (VND/share)</b>	<b><u>95,447,675,859</u></b>	<b><u>74,151,944,753</u></b>
Dilution effect due to the issuance of shares to increase share capital from owners' equity	-	-
<b>Net profit after tax attributable to ordinary shareholders after adjusting for dilutive factors</b>	<b><u>95,447,675,859</u></b>	<b><u>74,151,944,753</u></b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***37. BASIC EARNING PER SHARE (CONT'D)**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
<b>Weighted average number of outstanding shares during the year (Share)</b>	<b>82,994,091</b>	<b>59,616,229</b>
Dilution effect from the issuance of shares to increase share capital from owners' equity (2)	4,163,848	-
<b>Weighted average number of shares adjusted for dilution effects</b>	<b>87,157,939</b>	<b>59,616,229</b>
	Year 2024	Year 2023
	VND/Share	VND/Share
<b>Basic earnings per share (EPS)</b>	<b>1,150</b>	<b>1,244</b>
<b>Diluted earnings per share (Diluted EPS)</b>	<b>1,095</b>	<b>1,244</b>

(1) As at the date of issuance of the audited financial statements for 2024, the Company has not yet determined the amount to be appropriated to the bonus and welfare funds for 2024. The appropriation will be based on the resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.

The basic earnings per share (EPS) for 2023 has been restated due to the appropriation to the bonus and welfare funds in accordance with Resolution No. 02/2024/NQ-DHDCD of the General Meeting of Shareholders dated 25 April 2024. Accordingly, the restated basic EPS for 2023 is VND 1,244 per share (the amount disclosed in the 2023 financial statements before adjustment was VND 1,303 per share).

(2) On 4 March 2025, Elcom Technology Communications Corporation announced Board Resolution No. 01-03/2025/NQ-HDQT approving the results of the share issuance to increase share capital from equity. Specifically:

- Number of shares planned for issuance: 4,164,503 shares.
- Total number of shares distributed: 4,163,848 shares, including:
  - Shares distributed to shareholders in proportion to their ownership: 4,163,848 shares;
  - Odd-lot shares: 609 shares (all of which will be cancelled).

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC

dated 22 December of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**38. SEGMENT REPORTING**

A reported segment is a distinguishable segment of the Company that is engaged in producing or providing an individual product or service, or a group of related products or services (business segment) or participates in the process of producing or providing products and services within a specific economic environment (geographical segment) that has economic risks and benefits which are different from other business segments. The Company selects business segments as the main reported segments, and geographical segments as secondary reported segments.

A business segment is a distinguishable segment of an enterprise that is engaged in the production or provision of an individual product or service, or a group of related products or services. This segment has economic risks and benefits that are different from other business segments. Accordingly, the Company's business activities include:

- Sales of finished software products: Selling software products.
- Sales of steel: Steel trading.
- Sales of goods: Selling equipment to serve projects.
- Service provision: Office rental services and other services.

A geographical segment is a distinguishable segment of an enterprise that is engaged in producing or providing products or services within a particular economic environment and this segment has economic risks and rewards that are different from those of business segments in other economic environments. The Company's business activities outside the Vietnamese territory account for an insignificant proportion. Therefore, the Company does not prepare segment reports by geographical area.

Information on business results, fixed assets and other long-term assets and values of large non-cash expenses of the Company's business segments are as follows:

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**

Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22 December of the Ministry of Finance

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**38. SEGMENT REPORTING (CONT'D)**

Year 2024	Software products	Selling steel	Selling goods	Providing services	Total
Net revenue from sales and service rendered to external parties	111,486,426,840	-	600,221,298,849	88,437,495,692	800,145,221,381
<b>Total net revenue from sales and service rendered in relation to departments</b>	<b>111,486,426,840</b>	<b>-</b>	<b>600,221,298,849</b>	<b>88,437,495,692</b>	<b>800,145,221,381</b>
Segment costs	(8,322,497,365)	-	(491,811,211,101)	(55,816,694,285)	(555,950,402,751)
Operating results by segment	103,163,929,475	-	108,410,087,748	32,620,801,407	244,194,818,630
Costs are not allocated by department					(137,635,126,605)
Profits from business activities					106,559,692,025
Revenue from financial activities					24,383,142,515
Financial expenses					(13,029,480,489)
Profit or loss share in joint venture or associates					4,408
Other income					2,368,974,224
Other costs					(5,253,433,926)
Current corporate income tax expenses					(17,803,182,605)
Deferred corporate income tax expense					2,027,052,010
<b>Profit after corporate income tax</b>					<b>99,252,768,162</b>
<b>Unallocated assets</b>					<b>1,990,032,262,954</b>
<b>Liabilities are not allocated</b>					<b>741,349,157,279</b>
<b>Total cost of purchasing fixed assets</b>					<b>26,444,208,556</b>

**ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORP**

Elcom Building, Duy Tan Street,

Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

**FROM NO. B09-DN/HN**Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC  
dated 22 December of the Ministry of Finance**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***38. SEGMENT REPORTING (CONT'D)****Year 2023**

	<b>Software products</b>	<b>Selling steel</b>	<b>Selling goods</b>	<b>Providing services</b>	<b>Total</b>
Net revenue from sales and service rendered to external parties	70,560,086,005	250,215,374,429	556,805,440,601	102,508,741,617	980,089,642,652
<b>Total net revenue from sales and service rendered in</b>	<b>70,560,086,005</b>	<b>250,215,374,429</b>	<b>556,805,440,601</b>	<b>102,508,741,617</b>	<b>980,089,642,652</b>
Segment costs	(10,485,545,464)	(244,023,723,064)	(489,252,214,819)	(42,596,473,687)	(786,357,957,034)
Operating results by segment	60,074,540,541	6,191,651,365	67,553,225,782	59,912,267,930	193,731,685,618
Costs are not allocated by department					(139,154,507,688)
Profits from business activities					54,577,177,930
Revenue from financial activities					53,193,595,824
Financial expenses					(8,845,254,355)
Profit or loss share in joint venture or associates					(1,785,833,428)
Other income					980,262,758
Other costs					(1,226,623,095)
Current corporate income tax expenses					(9,434,781,937)
Deferred corporate income tax expense					(3,137,707,645)
<b>Profit after corporate income tax</b>					<b>84,320,836,052</b>
<b>Unallocated assets</b>					<b>1,821,114,066,062</b>
<b>Liabilities are not allocated</b>					<b>668,957,131,977</b>
<b>Total cost of purchasing fixed assets</b>					<b>12,321,482,463</b>



**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)***39. OTHER INFORMATION****39.1 INFORMATION ABOUT RELATED PARTIES**

For the financial year ended 31 December 2024, the related parties include:

<b>Related party</b>	<b>Relationship</b>
- VFT Technology Joint Stock Company	Associated Company
- Antani Holdings Joint Stock Company	Same member of the Board of Management
- NPT Solutions INC. Company	Mr. Phan Duc Trung - Director of INC Company is the son of the Chairman of the Board of Management
- CMC Telecommunications Infrastructure Joint Stock Company	Ngo Trong Hieu, General Director of the Company - younger brother of Board of Management Ngo Ngoc Ha - Deputy General Director
- Vietnam Service Development & Trade Investment Joint Stock Company	Mr. Nguyen Van Hoa is the legal representative of Vietnam Services Trading & Development Investment Joint Stock Company and Deputy General Director of ELCOM Technology Communications Joint Stock Company
- Mr. Tran Hung Giang	Member of the Board of Management
- Mr. Ngo Ngoc Ha	Member of the Board of Management
- Mrs. Nguyen Thi Le Thuy	Wife of Mr. Phan Chien Thang - Chairman of the Board of Management

**INCOME OF KEY MANAGEMNET MEMBERS**

<b>Year 2024</b>	<b>Position</b>	<b>Total income VND</b>
<b>Board of Managements and Board of Directors</b>		
- Mr. Phan Chien Thang	Chairman	239,452,000
- Mr. Nguyen Duc Thien	Vice Chairman	152,065,000
- Mr. Tran Hung Giang	Member	152,065,000
- Mr. Nguyen Manh Hai	Member	151,835,000
- Mr. Ngo Ngoc Ha	Member /Deputy General Director	396,047,930
- Mr. Nguyen Manh Hung	Member	120,000,000
- Mr. Do Minh Tien	Member	120,000,000
- Mr. Pham Minh Thang	General Director	399,626,000
- Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy General Director	738,244,000
<b>Board of Supervisors</b>		
- Mrs. Ngo Kieu Anh	Head of the Supervisory Board	313,893,000
- Mrs. Vu Thi Ngan Ha	Member	306,994,000
- Mrs. Hoang Thi Phuong Thuy	Member	36,000,000
<b>Chief Accountant</b>		
- Ms. Dau Thi Ly	Chief Accountant (Appointed on 19 May 2023)	480,850,000
- Ms. Dang Thi Thanh Minh	Chief Accountant (replaccd on 19 May	106,746,860
<b>Total</b>		<b>3,713,818,790</b>

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)***(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements.)***39. OTHER INFORMATION (CONT'D)****39.1. INFORMATION ABOUT RELATED PARTIES**

For the fiscal year ended 31 December 2024, the Company had Transactions with Related Parties including:

Year 2023	Position	Total income VND
<b>Board of Managements and Board of Directors</b>		
- Mr. Phan Chien Thang	Chairman	285,500,000
- Mr. Nguyen Duc Thien	Vice Chairman	177,205,000
- Mr. Tran Hung Giang	Member	177,205,000
- Mr. Nguyen Manh Hai	Member	177,205,000
- Mr. Ngo Ngoc Ha	Member /Deputy General Director	446,973,070
- Mr. Nguyen Manh Hung	Member	120,000,000
- Mr. Do Minh Tien	Member	120,000,000
- Mr. Pham Minh Thang	General Director	455,673,000
- Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy General Director	461,227,273
<b>Board of Supervisors</b>		
- Mrs. Ngo Kieu Anh	Head of the Supervisory Board	334,900,000
- Mrs. Vu Thi Ngan Ha	Member	328,021,000
- Mrs. Hoang Thi Phuong Thuy	Member	36,000,000
<b>Chief Accountant</b>		
- Ms. Dau Thi Ly	Chief Accountant (Appointed on 19 May 2023)	268,122,727
- Ms. Dang Thi Thanh Minh	Chief Accountant (replaced on 19 May 2023)	227,640,000
<b>Total</b>		<b><u>3,615,672,070</u></b>
<b>Transactions with related parties</b>		
<b>Issuance of shares under the employee stock option program:</b>	<b>Year 2024</b>	<b>Year 2023</b>
	<b>Share</b>	<b>Share</b>
+ Mr. Pham Minh Thang	60,000	-
+ Mr. Nguyen Van Hoa	20,000	-
+ Mrs. Dau Thi Ly	6,000	-
<b>VFT Technology Joint Stock Company</b>	<b>Year 2024</b>	<b>Year 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Buy goods and services	132,048,400	132,188,980
+ Value of warehouse rental services does not include VAT	120,044,000	120,171,800
+ VAT on purchased goods	12,004,400	12,017,180
- Payment for goods and services	132,048,400	132,188,980
<b>NPT Solutions Joint Stock Company</b>	<b>Year 2024</b>	<b>Year 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Value of goods and services purchased in the year	1,903,125,000	1,811,812,500
- Payment for goods and services	1,910,812,500	1,805,625,000

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (CONT'D)**

*(These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements)*

**39. OTHER INFORMATION (CONT'D)**

**39.1. INFORMATION ABOUT RELATED PARTIES**

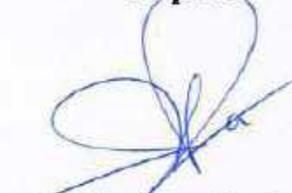
<b>CMC Telecommunications Infrastructure Joint Stock Company</b>	<b>Year 2024 VND</b>	<b>Year 2023 VND</b>
- Buy goods and services	302,118,666	471,610,031
- <i>The value of Server rental Service and Cloud fee Service does not include VAT</i>	274,653,333	428,736,392
+ <i>VAT on purchased goods</i>	27,465,333	42,873,639
- Payment for services	432,754,666	471,610,031
<b>Vietnam Trade Investment &amp; Service Development Joint Stock Company</b>	<b>Year 2024 VND</b>	<b>Year 2023 VND</b>
- Buy goods and services	213,840,000	217,800,000
+ <i>Car rental value does not include VAT</i>	198,000,000	198,000,000
+ <i>VAT on purchased goods</i>	15,840,000	19,800,000
- Payment for services	213,840,000	217,800,000
<b>Balances with related parties</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>Receivable from customers</b>		
Bac Kan New Material Technology JSC	597,770,779	597,770,779
<b>Advance to suppliers</b>		
Mr. Tran Hung Giang	4,030,000,000	4,030,000,000
Mr. Ngo Ngoc Ha	2,990,000,000	2,990,000,000
Mrs. Nguyen Thi Le Thuy	5,980,000,000	5,980,000,000
<b>Other receivables</b>		
Bac Kan New Material Technology JSC	3,539,885,279	3,539,885,279

**39.2 COMPARATIVE FIGURES**

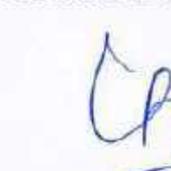
Comparative figures are from the audited consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2023 of Elcom Technology Communications Corporation.

Hanoi, 26 March 2025

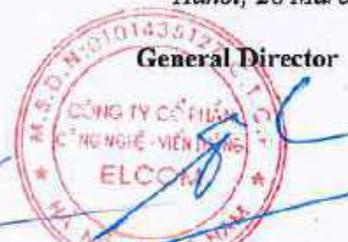
Preparer

  
Chu Hong Hanh

Chief Accountant

  
Dau Thi Ly

General Director

  
Pham Minh Thang

